

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đinh Thị Hải Yến**  
**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đinh Thị Hải Yến  
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đinh Thị Hải Yến

Mã SV: 1212401064

Lớp: QT1603K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Tân Đức.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Tấn Đức.
  - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Tấn Đức, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2015

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương Mại Tấn Đức

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Tấn Đức.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Đinh Thị Hải Yến

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUT *Trần Hữu Nghị***

## **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Tấn Đức, có số liệu minh họa cụ thể. Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Tấn Đức, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

Bằng số: .....

Bằng chữ:.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016*

**Cán bộ hướng dẫn**

*Ths. Nguyễn Thị Mai Linh*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ</b> .....	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	9
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu .....	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	17
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	21
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	24
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	25
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái .....	26

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	28
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính .....	29
1.4. Một số điểm khác biệt giữa Thông tư 200 và Quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	31
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC .....</b>	<b>32</b>
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Tấn Đức .....	32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển .....	32
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại Tấn Đức .....	33
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức .....	35
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức. ....	37
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty .....	37
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.....	47
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty .....	55
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	61
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	65
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	65
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC .....</b>	<b>74</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức. ....	74
3.1.1. Ưu điểm.....	75
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty. ....	77



3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.....	78
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.....	78
3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	78
3.2.3. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.....	79
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. ....	80
<b>KẾT LUẬN</b> .....	98
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	99

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 - Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu .....	15
Sơ đồ 1.2 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	15
Sơ đồ 1.3 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	16
Sơ đồ 1.4 - Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính....	18
Sơ đồ 1.5 - Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh .....	18
Sơ đồ 1.6 - Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác .....	22
Sơ đồ 1.7 - Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
Sơ đồ 1.8 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	26
Sơ đồ 1.9 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	26
Sơ đồ 1.10 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	26
Sơ đồ 1.11 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính.....	30
Sơ đồ 2.1 – Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty.....	33
Sơ đồ 2.2 - Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty .....	35
Sơ đồ 2.3 – Hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty .....	37
Sơ đồ 2.4 – Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty.....	39
Sơ đồ 2.5 - Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức .....	48
Sơ đồ 2.6 - Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức .....	56
Sơ đồ 2.7 - Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức .....	61
Sơ đồ 2.8 - Quy trình hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức .....	61
Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức .....	66

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 - Hóa đơn GTGT0000612.....	41
Biểu số 2.2 - GBC ngày 3/10/2015. Ngân hàng TMCP Á Châu .....	42
Biểu số 2.3 - Phiếu thu số 31/10 .....	43
Biểu số 2.4 – HĐGTGT 0000622 .....	44
Biểu số 2.5 - Sổ nhật ký chung ( trích) .....	45
Biểu số 2.6 - Sổ cái TK 511 (Trích).....	46
Biểu số 2.7 - Phiếu xuất kho số 05/10.....	51
Biểu số 2.8 - Phiếu xuất kho số 29/10.....	52
Biểu số 2.9 - Sổ nhật ký chung ( trích) .....	53
Biểu 2.10 - Sổ Cái TK 632 (trích).....	54
Biểu 2.11 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông .....	57
Biểu số 2.12 - Phiếu chi số 5/10.....	58
Biểu số 2.13 - Sổ nhật ký chung ( trích) .....	59
Biểu 2.14 - Sổ Cái TK 642 (trích).....	60
Biểu số 2.15 - GBC 25/10 - Ngân hàng TMCP Á Châu.....	62
Biểu số 2.16 - Sổ nhật ký chung ( trích) .....	63
Biểu 2.17 - Sổ Cái TK 515 (trích).....	64
Biểu số 2.18 - Phiếu kế toán số 27/12.....	67
Biểu số 2.19 - Phiếu kế toán số 28/12.....	67
Biểu số 2.20 - Phiếu kế toán số 29/12.....	68
Biểu số 2.21 - Phiếu kế toán số 30/12.....	68
Biểu số 2.22 - Phiếu kế toán số 31/12.....	69
Biểu số 2.23 - Sổ nhật ký chung ( trích) .....	70
Biểu 2.24 - Sổ Cái TK 911 .....	71
Biểu 2.25 - Sổ Cái TK 821 .....	72
Biểu số 2.26 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	73
Biểu số 3.1 - Sổ chi tiết bán hàng.....	81
Biểu số 3.2 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	82

Biểu số 3.3 - Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng.....	83
Biểu số 3.4 - Mẫu Sổ chi tiết tài khoản 911 .....	84
Biểu số 3.5- Sổ chi tiết bán hàng (tủ lạnh Sanyo 301L SR – Q345RB(SS) .....	86
Biểu số 3.6 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	87
Biểu số 3.7 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	88
Biểu 3.8 - Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2015.....	93
Biểu 3.9 - Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	94
Biểu 3.10 - Bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	94
Biểu 3.11 – Bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại công ty .....	96

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời đại hội nhập như hiện nay, phát triển kinh tế một cách bền vững là một trong những vấn đề quan trọng góp phần nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Do vậy, nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý mà việc cần thiết trong quản lý là phải tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp thương mại.

Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức là một công ty thương mại chuyên tiêu thụ các mặt hàng điện tử, điện lạnh... Do đó quá trình tiêu thụ hàng hóa, xác định và phân phối kết quả kinh doanh là rất quan trọng đối với công ty. Nhận thức được tầm quan trọng đó mà trong thời gian thực tập ở công ty em đã quyết định lựa chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức*** ” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

- \* **Chương 1:** *Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*
- \* **Chương 2:** *Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.*
- \* **Chương 3:** *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.*

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Sinh viên  
Đinh Thị Hải Yến

**CHƯƠNG 1****NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.***

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn băn khoăn lo lắng là : “Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Doanh thu có trang trải được toàn bộ chi phí bỏ ra hay không? Làm thế nào để tối đa hoá lợi nhuận?”. Thật vậy, xét về mặt tổng thể các doanh nghiệp hiện nay không những chịu tác động của qui luật giá trị mà còn chịu tác động của qui luật cung cầu và qui luật cạnh tranh, khi sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm dịch vụ được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu về được một khoản tiền, khoản tiền này được gọi là doanh thu. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là lợi nhuận. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí, phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

***1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.******1.1.2.1. Doanh thu***

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ” ban hành và công bố theo quyết định số 149 /2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ

trường tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

### **Các loại doanh thu**

#### **• Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng.*

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý:* Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng:* Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

- ***Doanh thu thuần***: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.
  - *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
  - *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
  - *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.



- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

• ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.
- \* Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:
  - Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:
    - + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.
    - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
  - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
  - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
  - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### • **Thu nhập khác**


Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Các khoản thu khác.

#### 1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

#### **Các loại chi phí**

 **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán 02 “Hàng tồn kho” có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền*: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

+ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

✚ ***Chi phí quản lý kinh doanh***: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

✚ ***Chi phí hoạt động tài chính***: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...

✚ ***Chi phí khác***: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

**✚ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:* là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:* là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

***Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất thuế TNDN***

### *1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh*

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.
- + *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

+ *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác

+ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước} & & \text{từ hoạt} & & \text{hoạt động tài} & & \text{khác} \\ \text{thuế} & = & \text{động SXKD} & + & \text{chính} & + & \\ & & & & & & \end{array}$$

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thuế TNDN} & & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} & & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{phải nộp} & = & \text{trước thuế} & \times & \text{TNDN} \\ & & & & \end{array}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau thuế} & & \text{Tổng lợi nhuận kế} & & \text{Thuế TNDN phải} \\ \text{thu nhập doanh} & - & \text{toán trước thuế} & - & \text{nộp} \\ \text{nghiệp} & & & & \end{array}$$

**1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Để phát huy được vai trò của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp vừa và nhỏ thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Tính toán phản ánh chính xác, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, khách hàng, đơn vị trực thuộc.
- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập phát sinh trong kỳ.

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

## **1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

### ***1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu***

#### *1.2.1.1. Chứng từ sử dụng*

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại

#### *1.2.1.2. Tài khoản sử dụng*

##### **▪ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- + Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- + Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác
- **Kết cấu tài khoản 511**

#### **➤ Bên Nợ**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ **Bên Có**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

❖ *Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.*

▪ **Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
- + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
- + Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

- **Kết cấu tài khoản 521**

➤ **Bên Nợ**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

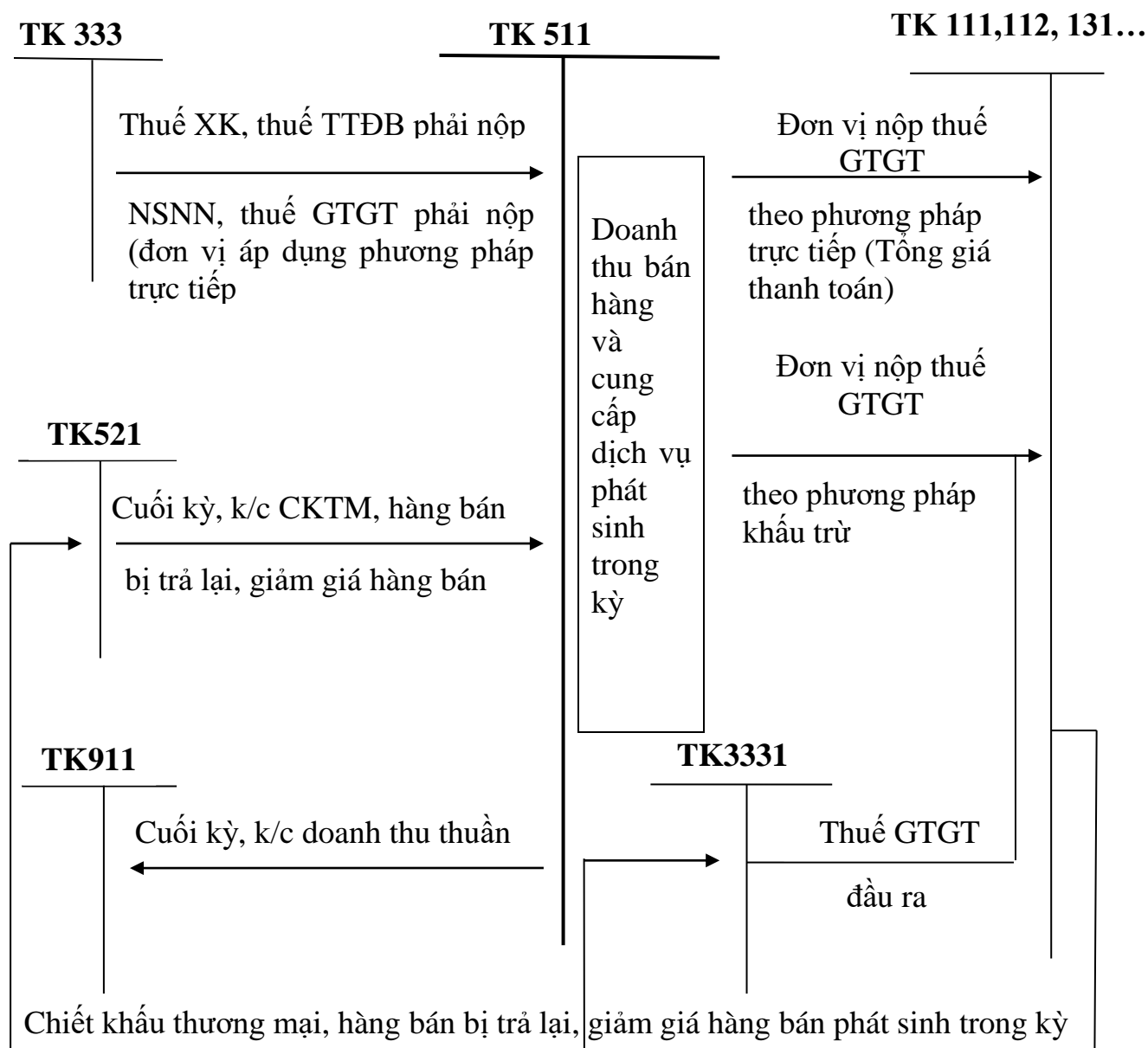
➤ **Bên Có**

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

❖ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1 như sau:



**Sơ đồ 1.1 - Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu**



### 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

#### 1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ,...

#### 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

##### ▪ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

##### - Kết cấu tài khoản 632

##### \* *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh:

##### ➤ *Bên Nợ*

- Trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

##### ➤ *Bên Có*

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

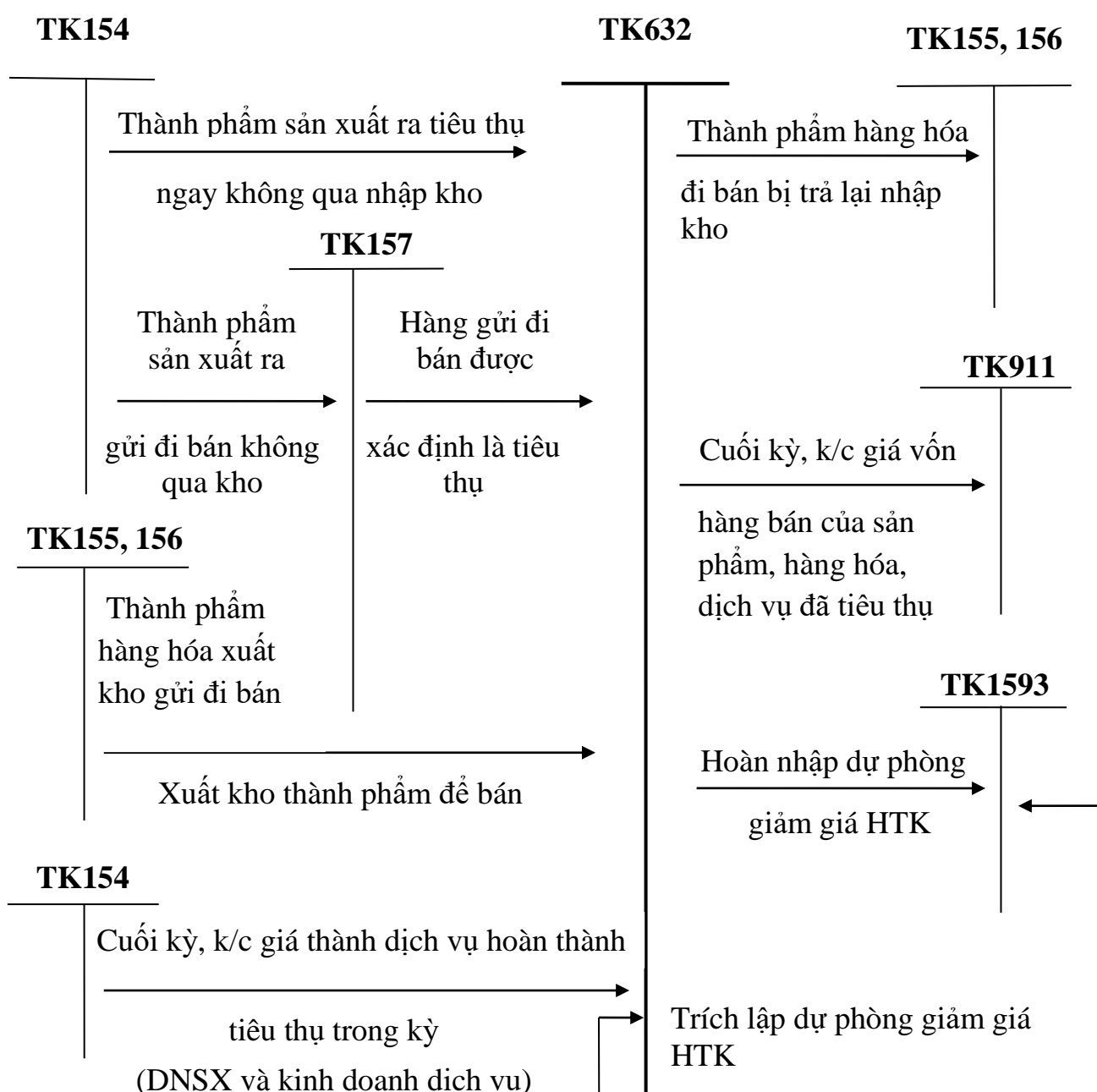
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
- ❖ *Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*
- \* ***Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:***
  - *Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:*
    - ***Bên Nợ:***
      - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
      - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
    - ***Bên Có:***
      - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
      - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
      - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
  - *Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:*
    - ***Bên Nợ***
      - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
      - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
      - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
    - ***Bên Có***
      - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ Tài khoản 155 “Thành phẩm”.
      - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

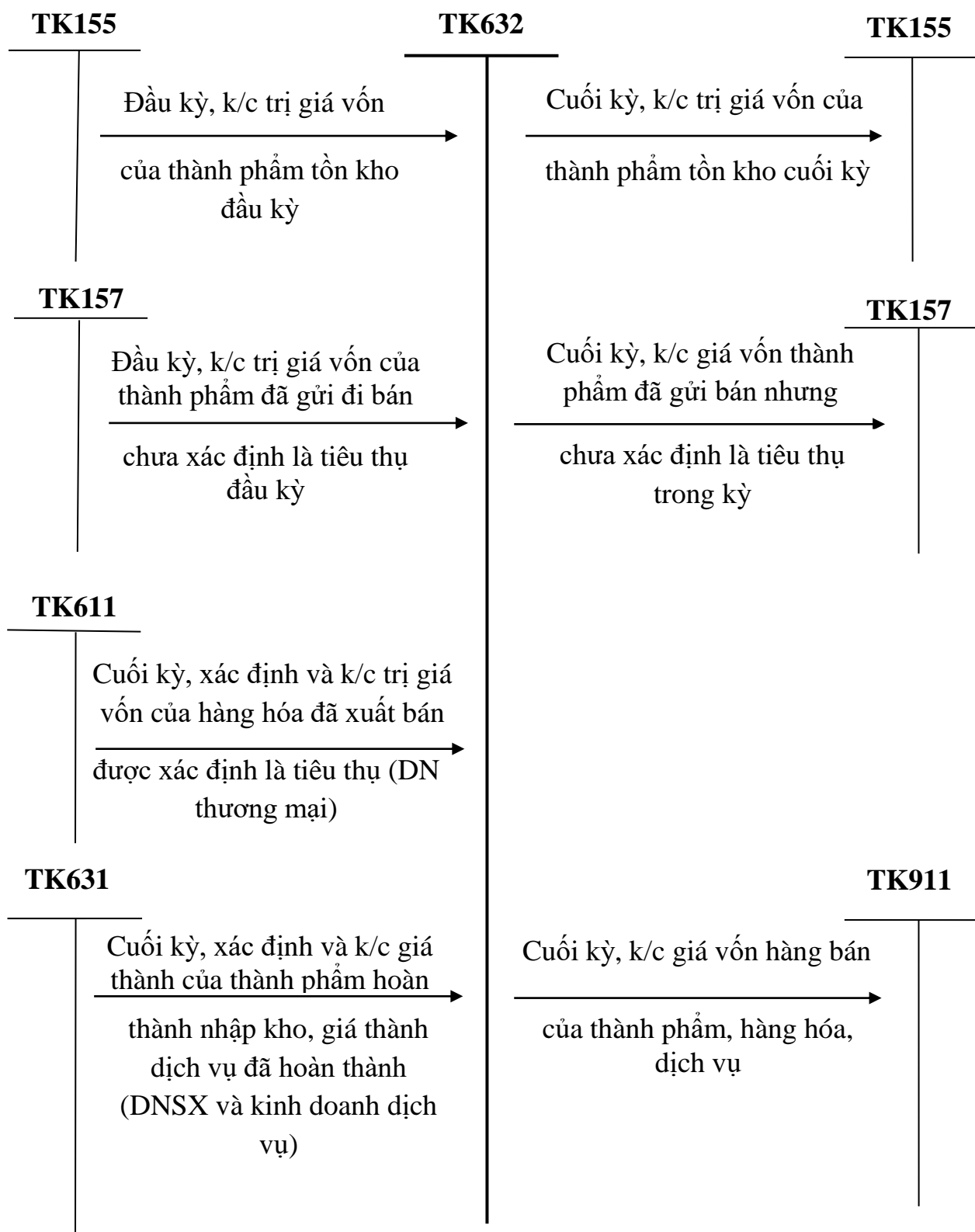
❖ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

**1.2.2.3. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3 như sau:



**Sơ đồ 1.2 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.3- Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

### 1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

#### 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có (giấy báo lãi)
- Các chứng từ khác có liên quan như: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay,...

#### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

##### ▪ **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

##### - **Kết cấu tài khoản 515**

##### ➤ **Bên Nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài Khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

##### ➤ **Bên Có**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh,...
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

##### ❖ *Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ*

##### ▪ **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

##### - **Kết cấu tài khoản 635**

##### ➤ **Bên Nợ**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

##### ➤ **Bên Có**

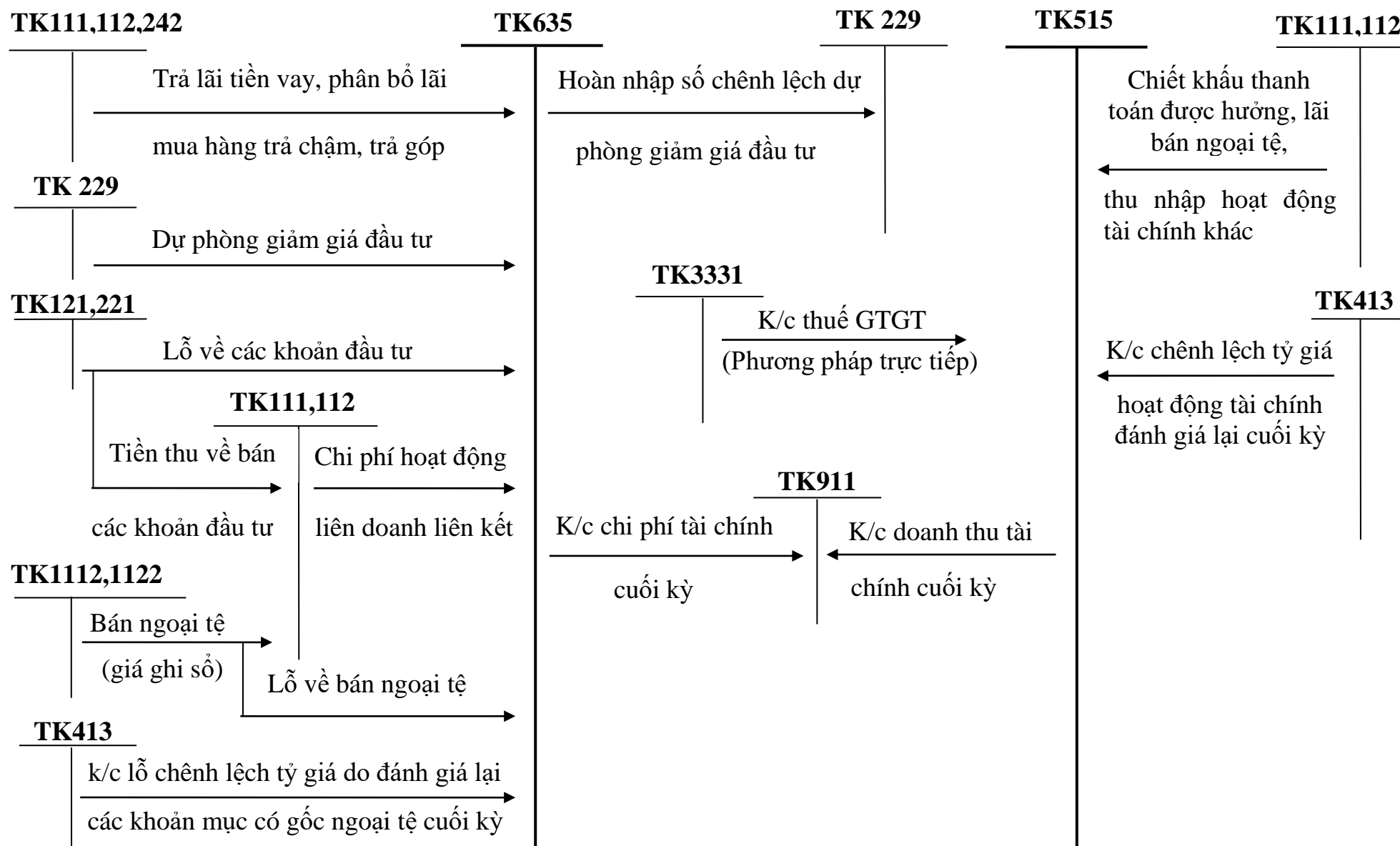
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

##### ❖ *Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ*

#### 1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau:

**Sơ đồ 1.4 - Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**



### 1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

#### 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Giấy báo Nợ, Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội và các chứng từ khác có liên quan

#### 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

##### ▪ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh tại doanh nghiệp từ bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý,...

##### - Kết cấu tài khoản 642

###### ➤ Bên Nợ

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

###### ➤ Bên Có

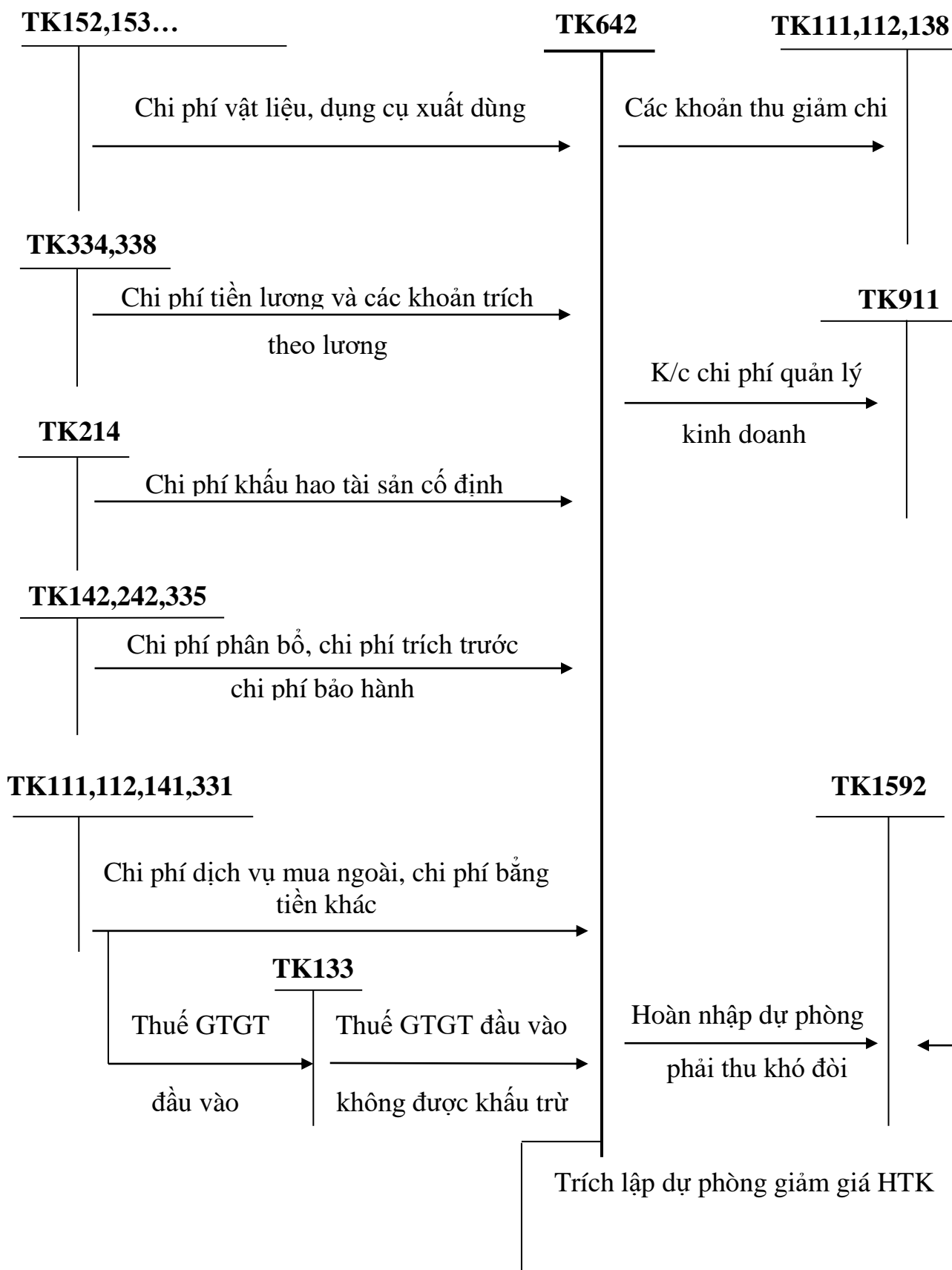
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 642 có 2 TK cấp 2: TK 6421-Chi phí bán hàng và TK 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



**Sơ đồ 1.5 - Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**



### **1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

#### **1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

#### **1.2.5.2. Tài khoản sử dụng**

##### **▪ Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

##### **- Kết cấu tài khoản 711**

###### **➤ Bên Nợ**

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

###### **➤ Bên Có**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

##### **❖ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ**

##### **▪ Tài khoản 811 - Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

##### **- Kết cấu tài khoản 811**

###### **➤ Bên Nợ**

Các khoản chi phí khác phát sinh

###### **➤ Bên Có**

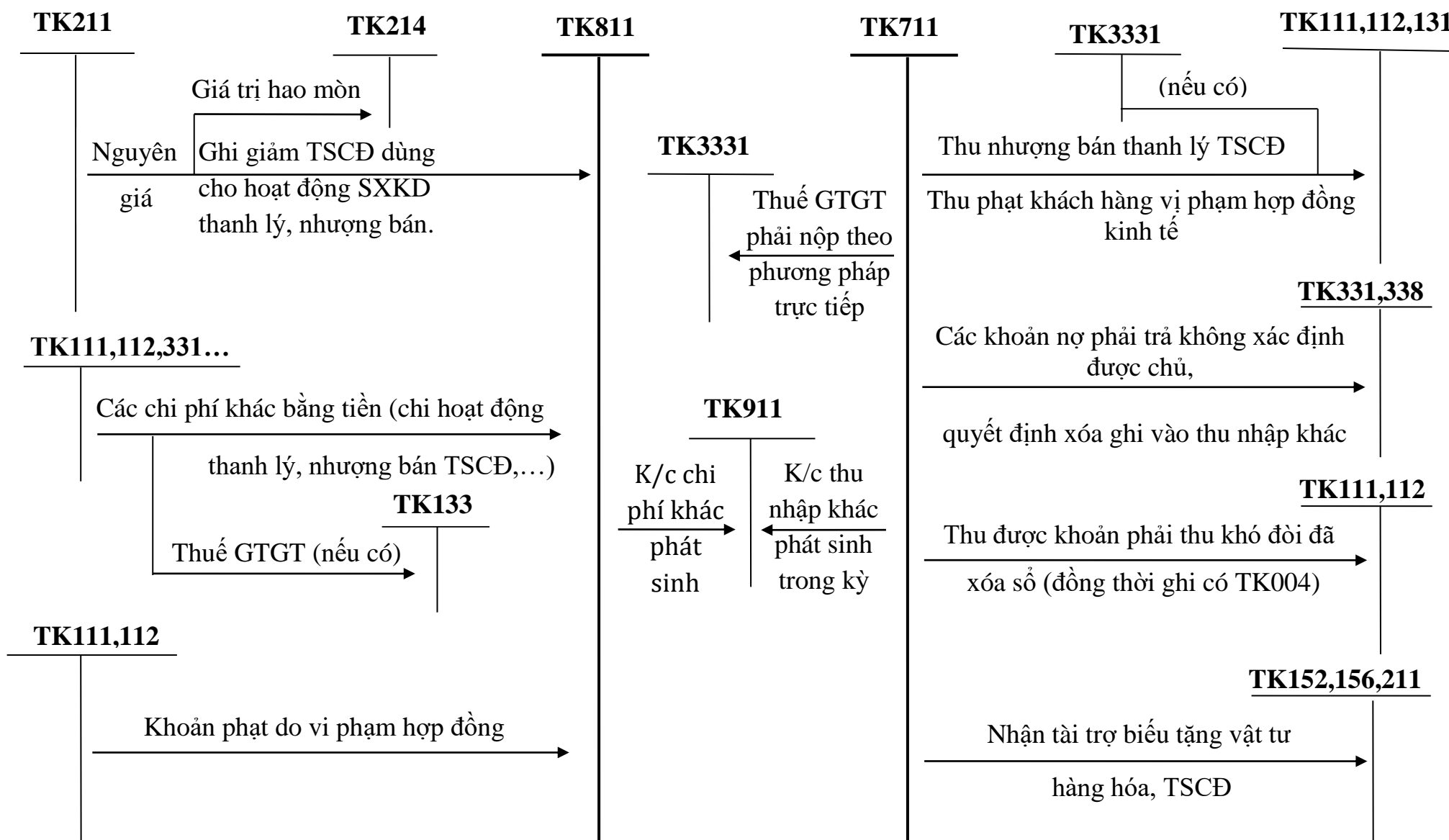
- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

##### **❖ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.**

#### **1.2.5.3. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:

**Sơ đồ 1.6 - Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**



### **1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

#### **1.2.6.2. Tài khoản sử dụng**

##### **▪ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh* : Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán. Trong đó, doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ.

*Kết quả hoạt động tài chính*: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

*Kết quả hoạt động khác*: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

##### **- Kết cấu tài khoản 911**

###### **➤ Bên Nợ**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác, chi phí quản lý kinh doanh;
- Kết chuyển lãi.

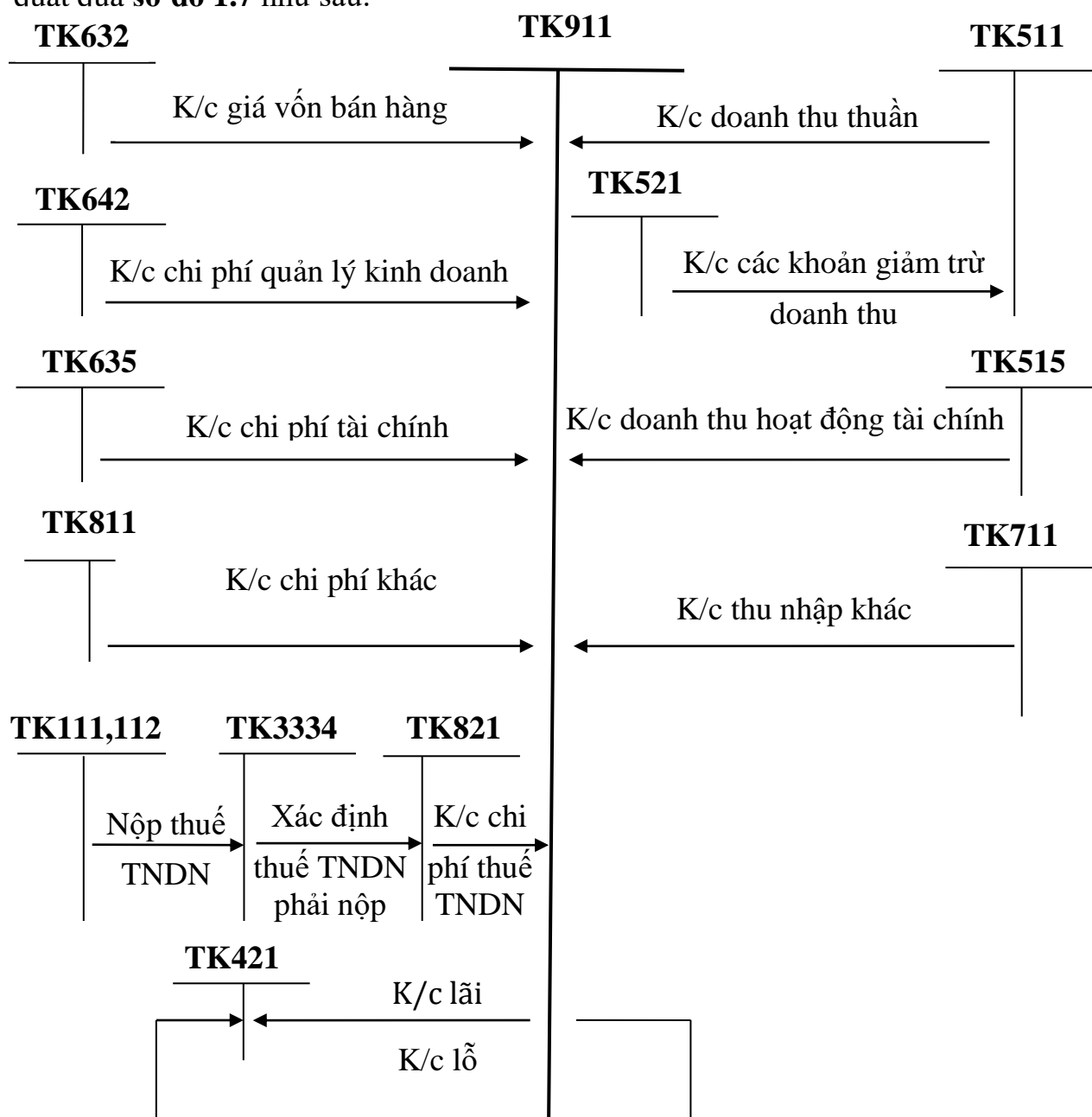
###### **➤ Bên Có**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

❖ *Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.*

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:



**Sơ đồ 1.7 - Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

**1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục, có hệ thống tình hình và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm

cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Trong mỗi hình thức, sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

### ***1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung***

#### ***1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung***

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi Sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

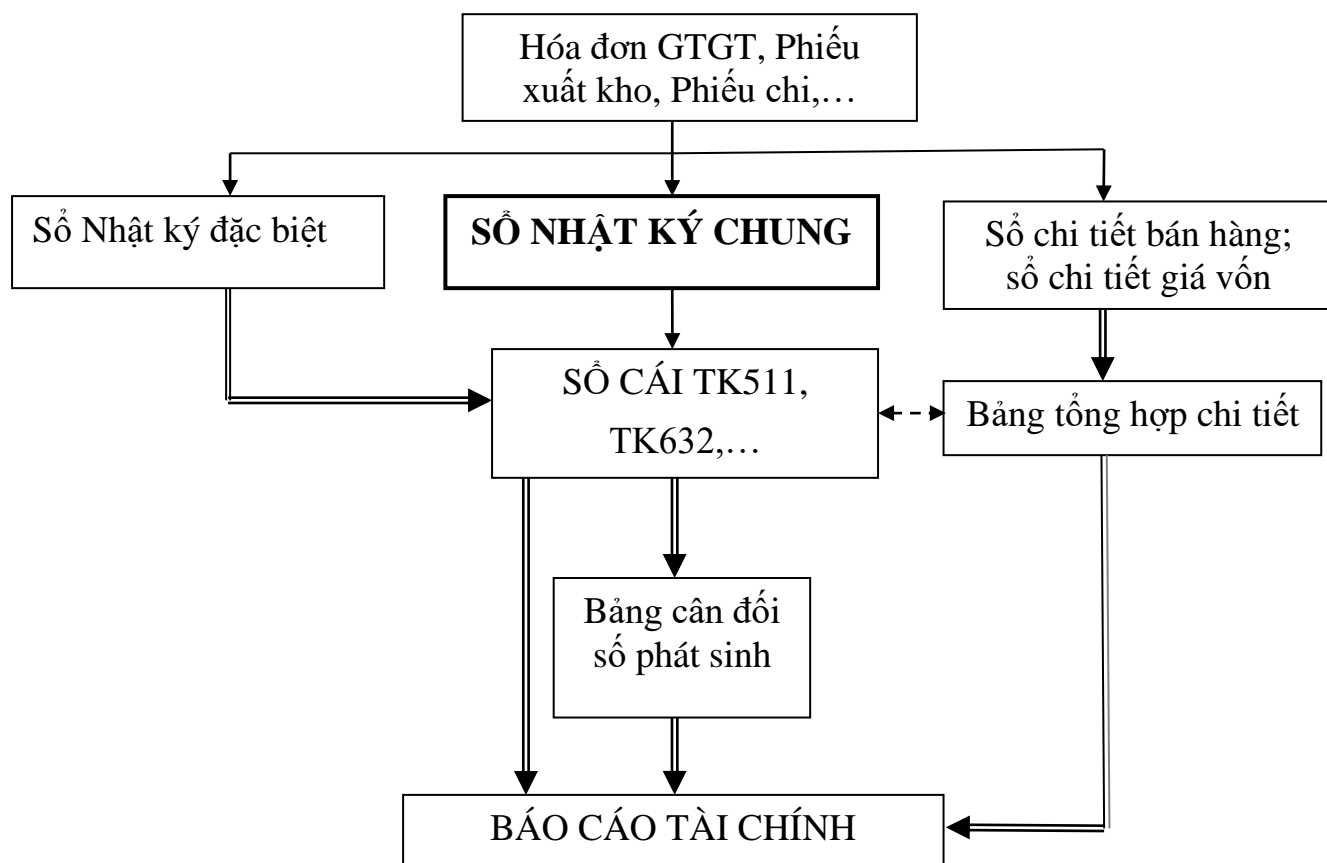
- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:
  - Nhật ký chung; sổ Nhật ký đặc biệt
  - Sổ Cái;
  - Sổ, thẻ chi tiết;

#### ***1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung***

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán

phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.



**Sơ đồ 1.8 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <--->

**1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

**1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất

là Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán, bảng tổng hợp kế toán cùng loại;

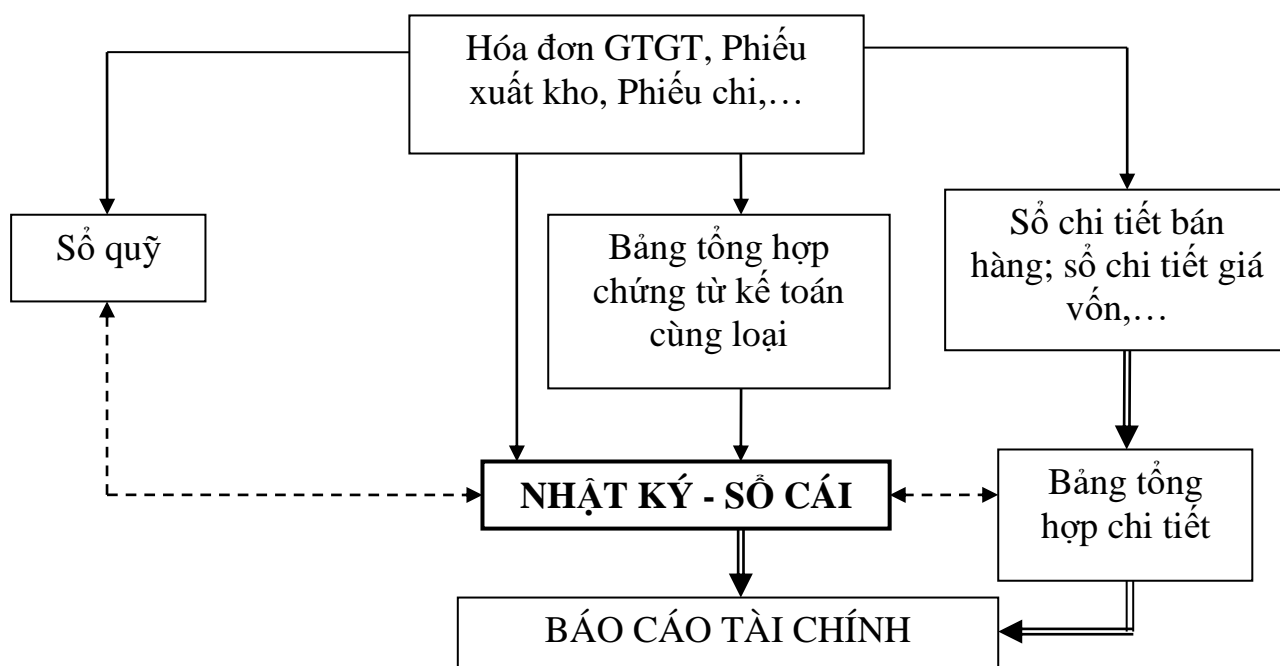
Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký – Sổ cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.



**Sơ đồ 1.9 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra :  $\longleftrightarrow$

### 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

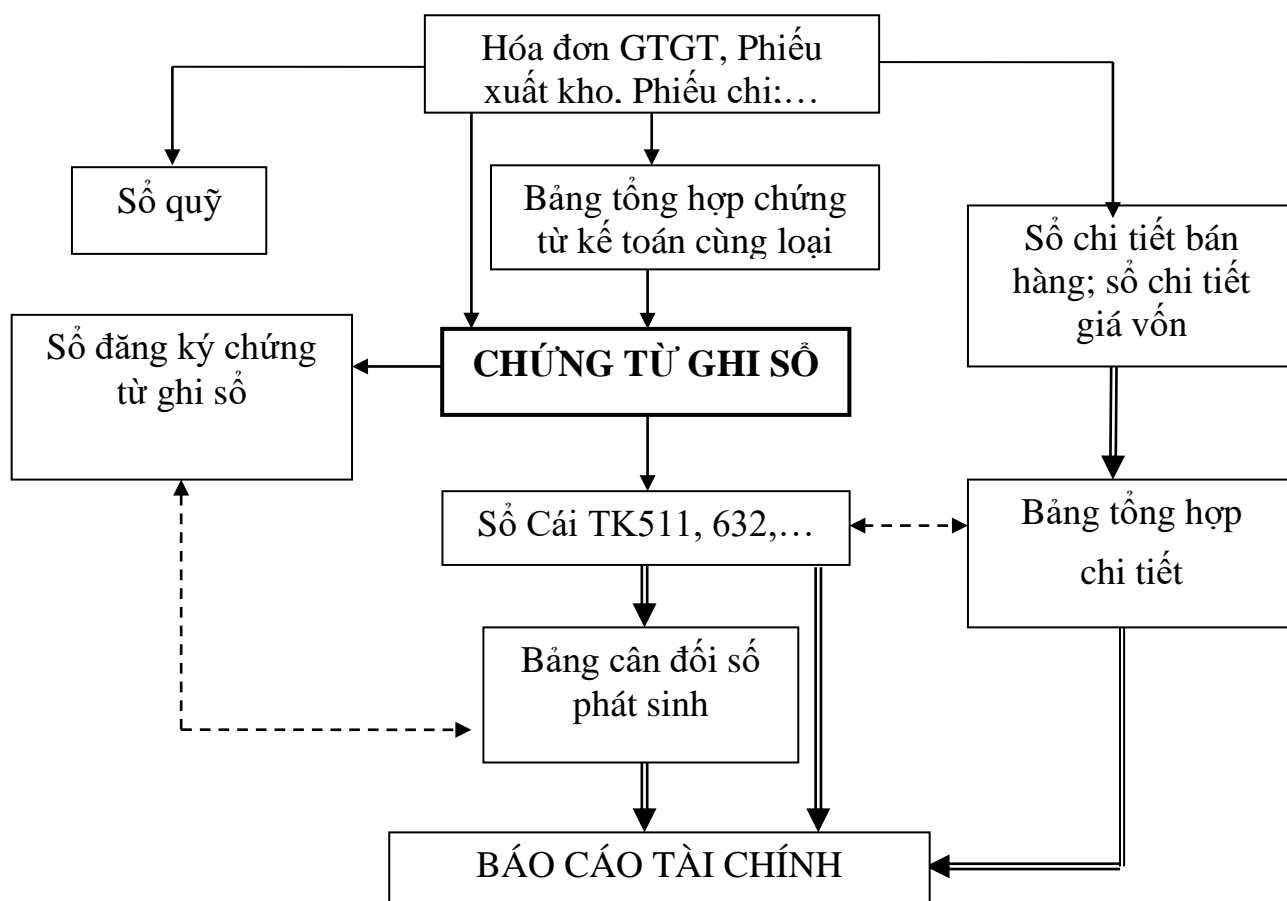
#### 1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:
  - + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
  - + Ghi theo nội dung trên Sổ cái
  - + Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
  - + Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

#### 1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ Cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.





**Sơ đồ 1.10 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <--->

**1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính**

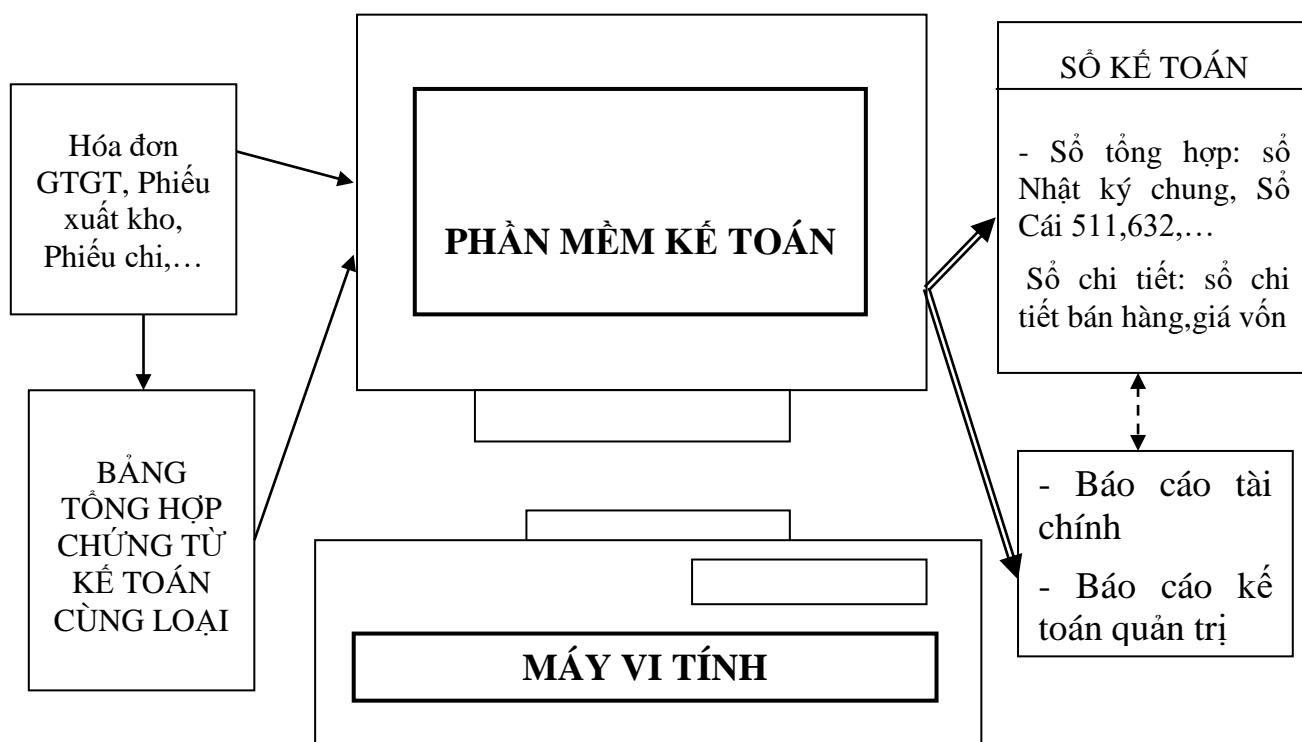
**1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính**

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký - sổ cái, Chứng từ ghi sổ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.



**Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính**

**Ghi chú:**

- Nhập số liệu hàng ngày :  $\longrightarrow$
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm :  $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra :  $\longleftrightarrow$

#### **1.4. Một số điểm khác biệt giữa Thông tư 200 và Quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế cho Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC. Theo Điều 1 (Đối tượng áp dụng) của thông tư 200, thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang thực hiện kế toán theo Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ được vận dụng quy định của Thông tư này để kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của mình. Sau đây em xin nêu một số điểm khác biệt giữa thông tư 200 và quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: thông tư 200 bỏ phương pháp nhập sau xuất trước và bổ sung 1 kỹ thuật mới xác định giá trị hàng tồn kho đó là phương pháp giá bán lẻ.

- Về hình thức kế toán: theo thông tư 200, tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp được tự xây dựng hình thức ghi sổ kế toán và biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình trên cơ sở đảm bảo thông tin về các giao dịch phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu.

- Về tài khoản kế toán:

- khi hạch toán các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, theo Thông tư 200 kế toán sử dụng TK 641 - *Chi phí bán hàng* và TK 642 - *Chi phí quản lý doanh nghiệp* trong khi theo Quyết định 48 thì 2 khoản chi phí này được theo dõi trên TK 642 - *Chi phí quản lý kinh doanh*
- khi hạch toán các khoản dự phòng phải thu khó đòi theo Quyết định 48 kế toán sử dụng TK 159 - *Các khoản dự phòng* nhưng ở Thông tư 200 bỏ TK 159 và hạch toán các khoản dự phòng trên TK 229 - *Dự phòng tổn thất tài sản*.

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC****2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Tấn Đức****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

- Tên công ty (bằng tiếng Việt): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC
- Tên công ty (bằng tiếng nước ngoài): TAN DUC TRANDING COMPANY LIMITED
- Tên công ty viết tắt: TAN DUC TRANDING CO.,LTD
- Địa chỉ : Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiện - huyện An Dương - HP
- Điện thoại: 0313.588.058
- MST: 0201066875
- Email: [tmtanduc.co@gmail.com](mailto:tmtanduc.co@gmail.com) Website:
- Ngành nghề kinh doanh:
  - + Kinh doanh đồ điện tử, điện lạnh, bán buôn sắt thép, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước...
  - + Đại lí, mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.
- Đăng ký kinh doanh số: 0201066875 ngày 10 tháng 5 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập dưới sự kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lí Nhà nước thành phố Hải Phòng.

Công ty được thành lập theo nguyên tắc dân chủ công khai, thống nhất nhằm mục đích phát triển kinh doanh giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động đảm bảo nộp đầy đủ nghĩa vụ cho Ngân sách nhà nước, tạo quỹ cho công ty nhằm mở rộng và phát triển kinh doanh.

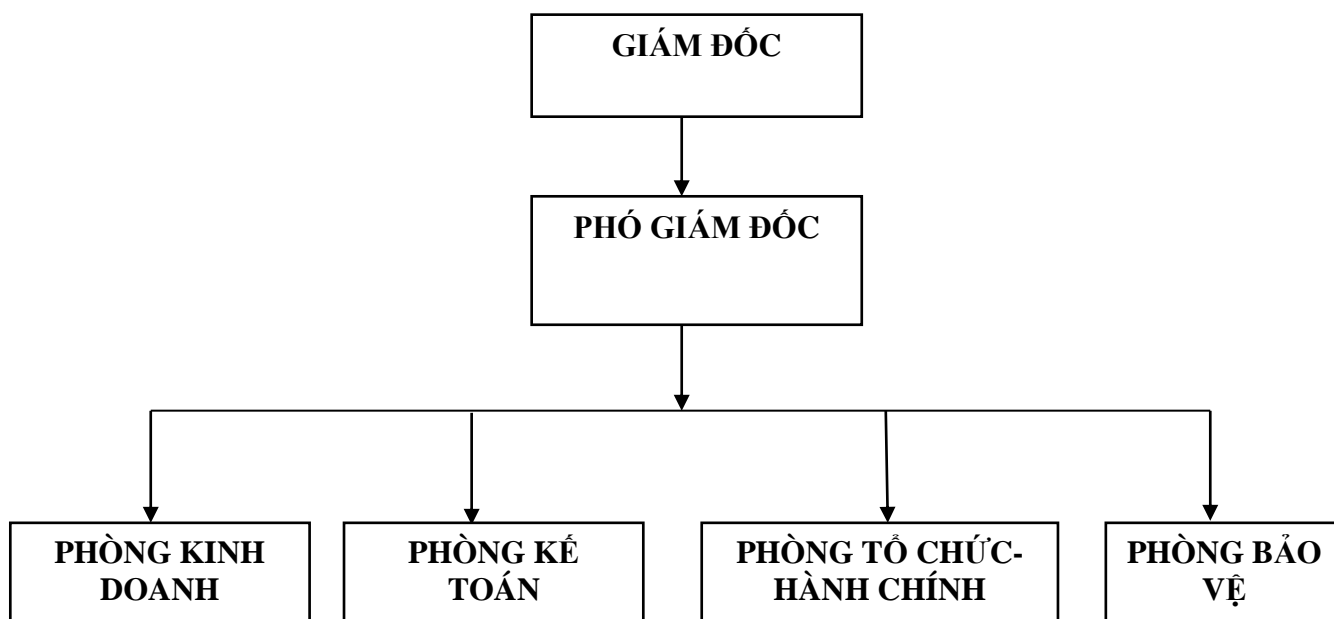
**2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại Tấn Đức**

Đây là một trong những nguồn lực quan trọng, quyết định hoạt động của công ty. Do đó cần phải sắp xếp nhân lực và tổ chức bộ máy quản lý hợp lý với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp để thấy rõ được năng suất lao động chung và của từng người ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh.

Bộ máy quản lý tại công ty tổ chức theo mô hình trực tuyến tham mưu, với cơ cấu này các phòng ban có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc.

Theo mô hình này thì Giám đốc là người đứng đầu, giúp việc cho giám đốc gồm phó giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng phòng ban.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại Tấn Đức được khái quát bằng sơ đồ 2.1



**Sơ đồ 2.1 - Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty**

➤ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.

**Giám đốc:** là người đứng đầu có quyền lực cao nhất và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty. Giám đốc là người ra quyết định đối với cấp dưới, thực hiện việc phân cấp, phân quyền với cấp dưới và tổ chức thực hiện phương án kinh doanh, tiến hành kiểm tra giám sát, kiểm soát kết quả hoạt động của công ty để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của công ty.

***Phó giám đốc:*** là người chịu trách nhiệm cùng giám đốc quản lý công ty và là người chịu trách nhiệm thu thập thông tin, nghiên cứu thị trường, nắm bắt các nguồn hàng, rồi từ đó tham mưu cho giám đốc xây dựng các phương án kinh doanh, và thay giám đốc tham gia ký kết các hợp đồng mua bán để đảm bảo cho việc kinh doanh của công ty đạt hiệu quả ngày càng cao.

**\* Phòng kinh doanh:**

Phòng kinh doanh có chức năng tham mưu cho ban giám đốc xây dựng phương án và kế hoạch kinh doanh, thực hiện các chiến lược kinh doanh đã được giám đốc phê duyệt và quyết định. Tổng hợp chính xác kịp thời các hoạt động kinh doanh để xây dựng kế hoạch tiếp theo và lập báo cáo định kỳ. Thay mặt công ty quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để tạo lợi nhuận cao cho công ty. Phòng kinh doanh kết hợp với phòng kế toán để công tác tiêu thụ hàng hóa không bị tắc nghẽn do thiếu hàng, phân tích khả năng tiêu thụ để đưa ra chiến lược kinh doanh cho phù hợp... Đây là phòng có chức năng quan trọng trong việc tạo ra doanh thu, lợi nhuận cũng như quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty.

**\* Phòng kế toán:**

Phòng kế toán có chức năng tham mưu cho giám đốc về mặt thống kê tài chính, chịu trách nhiệm quản lý tài sản, vật chất, hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước. Hàng kì phải lập các bảng quyết toán công khai toàn bộ tài sản, công nợ, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ. Đề xuất lên giám đốc phương án tổ chức kế toán đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính để kịp thời điều chỉnh quá trình kinh doanh trong công ty. Ngoài ra còn có nhiệm vụ khai thác nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phân phối thu nhập và thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

**\* Phòng tổ chức – hành chính:**

Phòng tổ chức – hành chính tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu kinh doanh đề ra.

Đảm bảo tuyển dụng và xây dựng, phát triển đội ngũ CBCNV theo yêu cầu, chiến lược của doanh nghiệp.

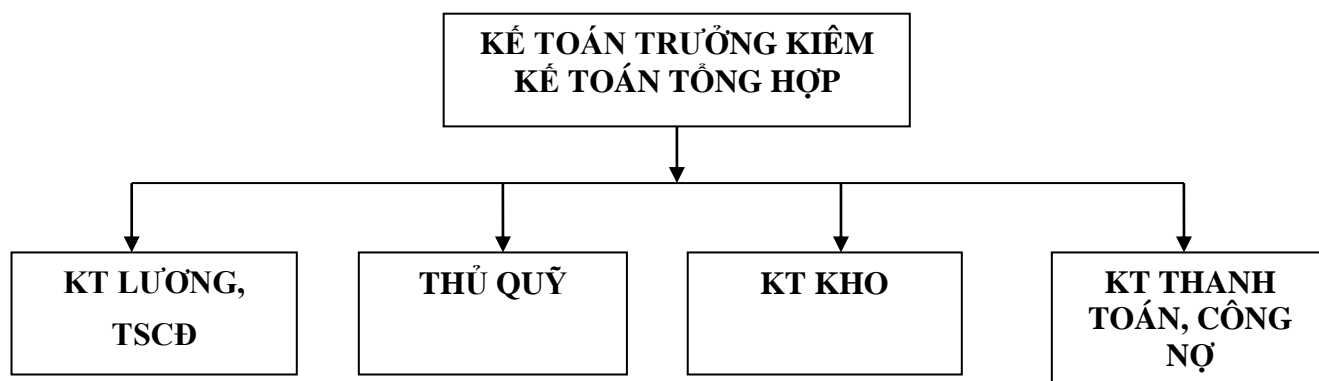
Mỗi phòng ban có nhiệm vụ và chức năng riêng song lại có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau mà thiếu một trong những bộ phận đó sẽ làm ảnh hưởng đến bộ phận khác và đặc biệt là gây rối loạn trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

**\* Phòng bảo vệ:**

Nhiệm vụ bảo vệ mọi tài sản thuộc phạm vi quản lý của công ty. Kiểm tra hàng hóa vật tư xuất ra, mua vào có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định hay không.

**2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức**

**2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán:**



**Sơ đồ 2.2 - Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**

**\* Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy kế toán**

Mỗi một bộ phận kế toán đều giữ những chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cụ thể như sau:

- **Kế toán trưởng:** Là người phụ trách công tác kế toán cho công ty, tham mưu cho giám đốc, đề xuất các biện pháp tài chính hiệu quả. Bên cạnh đó, kế toán trưởng phải theo dõi các nghĩa vụ với nhà nước và chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về số liệu kế toán của công ty.
- **Kế toán lương, TSCĐ :** Phụ trách công việc tính lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty, trích các khoản theo quy định đối với từng cán bộ công nhân viên. Theo dõi TSCĐ của công ty, trích khấu hao và xác định giá trị còn lại của từng tài sản.

- **Thủ quỹ** : có nhiệm vụ là người quản lý quỹ tiền mặt của công ty, thu chi tiền mặt phải có chứng từ, cuối ngày lập báo cáo quỹ.
- **Kế toán kho**: có nhiệm vụ phụ trách kế toán hàng tồn kho, theo dõi sự biến động về hàng tồn kho, lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn kho về số lượng cũng như giá trị của từng loại...
- **Kế toán thanh toán, kế toán công nợ** : viết phiếu thu - chi hàng ngày và cuối ngày đối chiếu với thủ quỹ, kiểm kê quỹ và chuyển giao chứng từ cho kế toán trưởng .Thanh toán, theo dõi công nợ, đôn đốc thu hồi nợ, tham gia lập báo cáo quyết toán và các báo cáo kế toán định kỳ;

#### 2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.

- Niên độ kế toán: từ 01/01 đến 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Tính giá vốn hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn
- Tính và nộp thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ
- Tính khấu hao tài sản cố định: theo phương pháp đường thẳng

#### 2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

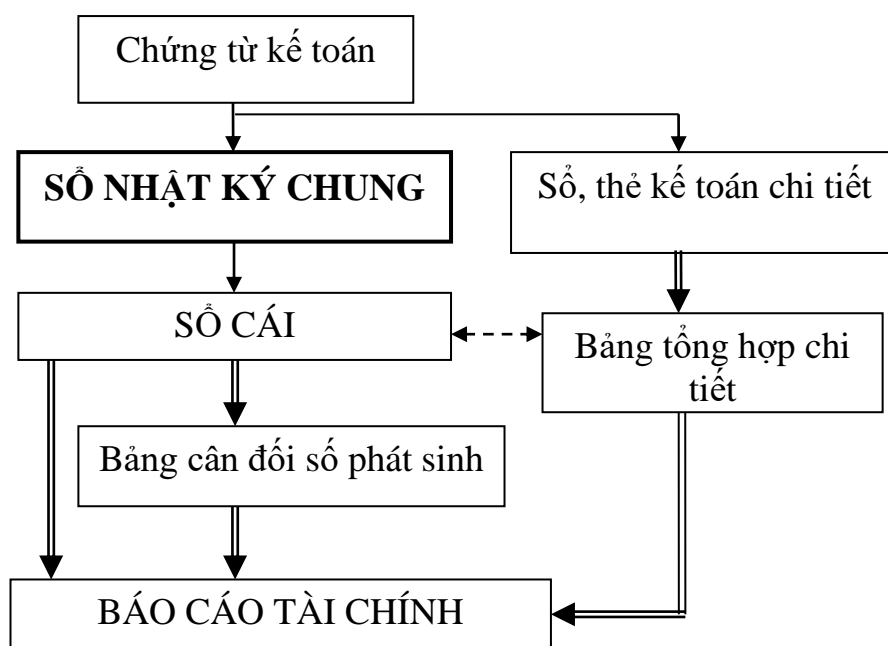
Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

#### 2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “Nhật ký chung” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung sau đó từ sổ Nhật ký chung vào Sổ Cái các tài khoản, từ Sổ Cái các tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.





**Sơ đồ 2.3 – Hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : =====>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <--->

**2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính**

Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán (B01-DNN)
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DNN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DNN)
- + Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DNN)

**2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.**

**2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty**

**2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng tại Công ty**

Hiện nay Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức chuyên phân phối, kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh như: tivi, điều hòa, máy giặt, tủ lạnh,... của các hãng Panasonic, LG, Samsung, Toshiba, Daikin... Vì vậy, doanh thu bán hàng của công ty là doanh thu bán các loại hàng hóa.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, tivi, tủ lạnh... đã không còn là mặt hàng xa xỉ như trước mà đã trở thành nhu cầu thiết yếu của người tiêu dùng. Tuy nhiên, do là mặt hàng thiết yếu, số lượng người tiêu dùng lớn nên có nhiều các công ty, các siêu thị điện máy cạnh tranh gay gắt dẫn đến thu hẹp thị phần.

➤ **Phương thức bán hàng:**

Hiện nay công ty tiến hành bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp mà chủ yếu là bán buôn và bán lẻ, có thể thu được tiền ngay hoặc được người mua chấp nhận thanh toán. Theo phương thức bán hàng này, công tác bán hàng ở công ty được thực hiện dưới các hình thức sau:

- *Bán buôn*: là hình thức bán chủ yếu của công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Theo hình thức này công ty ký hợp đồng bán hàng với các khách hàng, căn cứ vào hợp đồng công ty xuất hàng tại kho và viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.
- *Bán lẻ* : Khách hàng trực tiếp đến cửa hàng của công ty để mua hàng. Kế toán lập hóa đơn GTGT, phiếu thu và đồng thời ghi nhận doanh thu. Hàng hoá bán lẻ chủ yếu phục vụ trực tiếp người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

➤ **Các phương thức thanh toán**

- *Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt* : áp dụng cho khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.
- *Thanh toán chậm* : Phương thức này áp dụng cho những khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.
- *Thanh toán qua ngân hàng*: Phương thức này được chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả phí cho ngân hàng.

2.2.1.2. *Chứng từ sử dụng*

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có,...
- Các chứng từ khác có liên quan

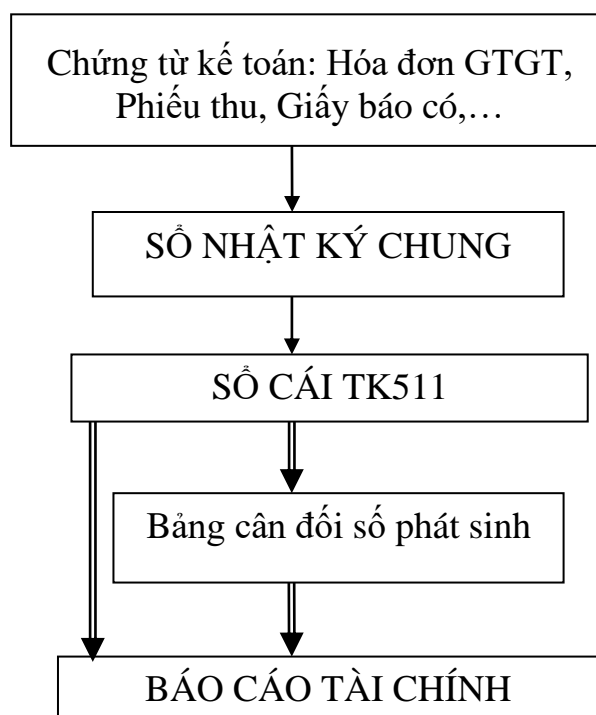
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Các tài khoản liên quan khác như : TK 3331, TK 156, TK 911

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại Tân Đức được khái quát qua sơ đồ 2.4.

Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán thông báo cho nhân viên bán hàng chuẩn bị và đóng hàng cho khách. Kế toán kiểm tra lại hàng xem số lượng, chủng loại hàng hóa xem có đúng với yêu cầu hay không. Từ đó kế toán lập hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng hóa.



**Sơ đồ 2.4 - Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại Tân Đức**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ⇒

✓ Ví dụ minh họa:

**Ví dụ 1:** Ngày 3/10/2015 Công ty bán cho công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn tủ lạnh Sanyo 301L SR-Q345RB(SS) với đơn giá 11.500.000đ/chiếc (chưa có VAT 10%), đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản:	Nợ TK 112:	25.300.000
	Có TK 511:	23.000.000
	Có TK 3331:	2.300.000

Kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 0000612 (**Biểu 2.1**) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng, công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn chuyển tiền qua ngân hàng, công ty nhận được giấy báo có ngày 3/10/2015 của ngân hàng TM Á Châu – chi nhánh Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng ( **Biểu số 2.2**) thông báo về số tiền đã nhận được. Từ HĐGTGT số 0000612 kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung ( **biểu số 2.5**). Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511( **Biểu số 2.6**).

**Ví dụ 2:** Ngày 16/10/2015 Công ty bán cho ông Lê Văn Chính - Đại Bản tivi LED Samsung 32J5500 32inch với đơn giá 9.980.000đ/chiếc, chưa có VAT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:	Nợ TK 111:	10.978.000
	Có TK 511:	9.980.000
	Có TK 3331:	998.000

Kế toán tiến hành lập phiếu thu số 31/10( **Biểu số 2.3**), HĐGTGT 0000622 (**Biểu số 2.4**) và giao liên 2 này cho khách hàng, ông Lê Văn Chính trả tiền hàng bằng tiền mặt. Từ HĐGTGT 0000622,PT31/10 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.5**). Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ Cái TK 511( **Biểu số 2.6**).

<b>HÓA ĐƠN</b>		<b>Mẫu số: 01 GTKT 3/001</b>			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Kí hiệu: AA/15P			
<i>(Liên 3: Nội bộ)</i>		Số: 0000612			
Ngày 3 tháng 10 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức</b>					
MST: 0201066875					
Địa chỉ: Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiện – An Dương - HP					
Điện thoại: 0313.588.058					
Số tài khoản: 1001737519		Tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)			
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Đình Hiếu					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn					
MST: 0201065148					
Địa chỉ: Xã Đại Bản – An Dương - HP					
Hình thức thanh toán: CK		Số tài khoản: 0450101000856			
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
A	B	C	1	2	3=1x2
1	<b>Tủ lạnh Sanyo 301L SR- Q345RB(SS)</b>	chiếc	2	11.500.000	23.000.000
Cộng tiền hàng:					23.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.300.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					<b>25.300.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng./					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

**Biểu số 2.1 - Hóa đơn GTGT 0000612**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**

**Chi nhánh: Quán Toan - Hồng Bàng - HP**



**GIẤY BÁO CỐ**

Ngày 3 tháng 10 năm 2015

Mã GDV:

Mã KH: 44870

Số GD:

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức

MST: 0201066875

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số TK ghi CỐ: **1001137519**

Số tiền bằng số: **25.300.000 đ**

Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng /.

**Nội dung: Công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn trả tiền hàng**

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Biểu số 2.2 - GBC ngày 3/10/2015. Ngân hàng TMCP Á Châu**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**

**Km 18 – Kim Sơn – Lê Thiện – An Dương – HP**

**Mẫu số 01-TT**

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyển số:

Số : 31/10

**PHIẾU THU**

Ngày 16 tháng 10 năm 2015

Nợ TK 111: 10.978.000

Có TK 511 : 9.980.000

Có TK 3331 : 998.000

Họ tên người nộp tiền: Lê Văn Chính

Địa chỉ: Đại Bản – An Dương - HP

Lý do nộp: Mua tivi LED Samsung 32J5500, HĐGTGT 0000622 ngày 16/10/2015

Số tiền: 10.978.000

Viết bằng chữ: Mười triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng./

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ ): *Mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./*

Ngày 16 tháng 10 năm 2015

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.3 - Phiếu thu số 31/10**

<b>HÓA ĐƠN</b>		<b>Mẫu số: 01 GTKT 3/001</b>			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Kí hiệu: AA/15P			
<i>(Liên 3: Nội bộ)</i>		Số: 0000622			
Ngày 16 tháng 10 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức</b>					
MST: 0201066875					
Địa chỉ: Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiện – An Dương - HP					
Điện thoại: 0313.588.058					
Số tài khoản: 1001737519		Tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)			
Họ và tên người mua hàng: Lê Văn Chính					
Tên đơn vị:					
MST:					
Địa chỉ: Xã Đại Bản – Huyện An Dương - HP					
Hình thức thanh toán: TM      Số tài khoản:					
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
A	B	C	1	2	3=1x2
1	<b>Tivi LED Samsung 32J5500 32inch</b>	chiếc	1	9.980.000	9.980.000
Cộng tiền hàng:					9.980.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		998.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					<b>10.978.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng./</i>					
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

**Biểu số 2.4 – HĐGTGT 0000622**



**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**

**Mẫu số S03a – DNN**

**Km 18 – Kim Sơn - Lê Thiện – An Dương- HP**

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ –BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
3/10	PX05/10	3/10	Xuất kho bán tủ lạnh Sanyo 301L Q345RB(SS)	632 156	19.220.000	19.220.000
3/10	GBC03/10	3/10	<b>Bán tủ lạnh Sanyo 301L Q345RB(SS) cho công ty CP Vương Minh Tuấn thu bằng CK</b>	112 511 3331	<b>25.300.000</b>	<b>23.000.000</b> <b>2.300.000</b>
4/10	HĐGTGT 0000538	4/10	Mua hàng của công ty TNHH Thương mại Hoàng Phát chưa trả tiền	156 1331 331	279.000.000 27.900.000	306.900.000
			.....			
16/10	PX29/10	16/10	Xuất bán tivi LED Samsung 32J5500 32 inch cho ông Chính thu bằng TM	632 156	8.806.346	8.806.346
16/10	PT31/10	16/10	<b>Bán tivi LED Samsung 32J5500 32 inch cho ông Lê Văn Chính - Đại Bản thu bằng TM</b>	111 511 3331	<b>10.978.000</b>	<b>9.980.000</b> <b>998.000</b>
			.....			
			<b>Cộng SPS</b>		<b>21.710.811.686</b>	<b>21.710.811.686</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.5 - Sổ nhật ký chung ( trích )**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Mẫu số S03b – DNN**

**Km 18 – Kim Sơn- Lê Thiện – An Dương- HP**

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			.....			
2/10	GBC02/10	2/10	Bán máy giặt sấy Electrolux EWW12842 cho chị Thanh thu bằng chuyển khoản.	112		24.690.000
3/10	GBC03/10	3/10	<b>Bán tủ lạnh Sanyo 301L – Q345RB(SS) cho công ty cổ phần Vương Minh Tuấn thu bằng CK</b>	<b>112</b>		<b>23.000.000</b>
			.....			
15/10	HĐGTGT 0000619	15/10	Bán hàng cho công ty TNHH Trúc Mai chưa thu tiền	131		46.500.000
16/10	PT 31/10	16/10	<b>Bán tivi LED Samsung 32 inch cho ông Lê Văn Chính - Đại Bản thu bằng tiền mặt</b>	<b>111</b>		<b>9.980.000</b>
			.....			
31/12	PKT 27/12	31/12	Kết chuyển DT BH và CCDV	911	4.927.916.530	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>4.927.916.530</b>	<b>4.927.916.530</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.6 - Sổ cái TK 511 (Trích)**

## 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức

### 2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa, trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó, nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch.

Đơn giá xuất kho của hàng tồn kho luôn được thay đổi dựa trên sự thay đổi của đơn giá nhập kho của hàng tồn kho. Tức là sau mỗi lần mua hàng tồn kho về doanh nghiệp kế toán phải thực hiện tính lại đơn giá hàng nhập kho dựa trên giá trị và số lượng hàng tồn kho đang có tại doanh nghiệp.

### **Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:**

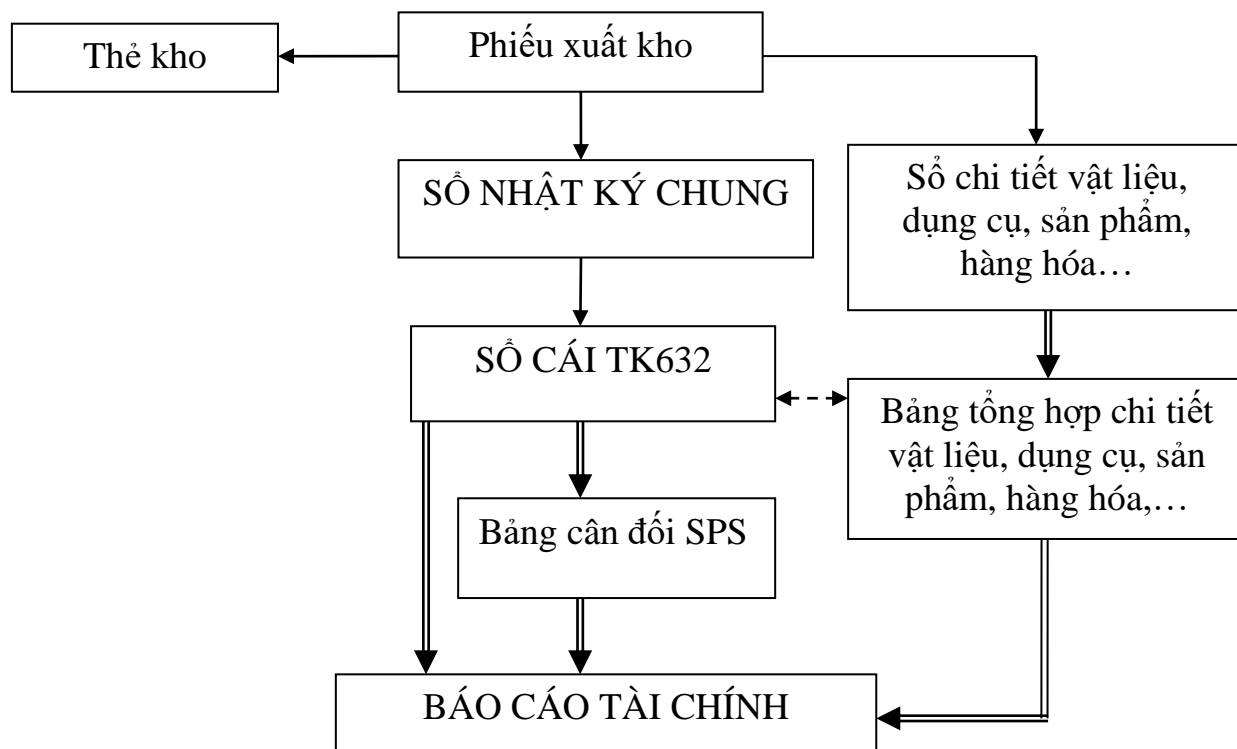
$$\text{Đơn giá xuất kho của HTK} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

### 2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- Chứng từ kế toán sử dụng :
  - Phiếu xuất kho;
  - Các chứng từ khác có liên quan.
- Tài khoản kế toán sử dụng:
  - TK 632 - Giá vốn hàng bán.
  - TK 156 - Hàng hóa.

### 2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức

Quy trình kế toán giá vốn của công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.5



**Sơ đồ 2.5 - Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức**

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra :  $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 632.

Cuối quý, năm kế toán tập hợp các số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ đó lập Báo cáo tài chính.

**✓ Ví dụ minh họa:**

**Ví dụ 3 (minh họa tiếp ví dụ 1)**

Ngày 3/10/2015 Công ty bán cho công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn tủ lạnh Sanyo 301L SR-Q345RB(SS) với đơn giá 11.500.000đ/chiếc, VAT 10%, đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản bút toán giá vốn:

Nợ TK 632: 19.220.000

Có TK 156: 19.220.000

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 05/10 ( **biểu số 2.7**), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.9**). Từ số liệu trên vào Sổ Cái TK 632 (**Biểu số 2.10**).

**Công ty tính trị giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn như sau:**

Tồn đầu tháng 10/2015 mặt hàng tủ lạnh Sanyo 301L của công ty là 2 chiếc, đơn giá: 9.850.000đ/chiếc, thành tiền:  $9.850.000 \times 2 = 19.700.000đ$ .

Ngày 1/10, công ty xuất kho bán cho chị Phương 1 chiếc:

Trị giá xuất ngày 1/10 =  $9.850.000 \times 1 = 9.850.000đ$ .

Ngày 2/10, mua 12 chiếc tủ lạnh Sanyo 301L của công ty Thành Hưng, đơn giá: 9.590.000đ/chiếc, VAT 10%, chưa thanh toán

**Ngày 3/10, Công ty bán cho công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn 2 chiếc với đơn giá xuất kho được tính như sau:**

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{9.850.000 + 9.590.000 \times 12}{13} = 9.610.000 \text{ đ}$$

Trị giá xuất kho ngày 3/10 =  $9.610.000 \times 2 = 19.220.000 \text{ đ}$ .

#### **Ví dụ 4 (minh họa tiếp ví dụ 2)**

Ngày 16/10/2015 Công ty bán cho ông Chính - Đại Bản 1 tivi LED Samsung 32J5500 32 inch với đơn giá 9.980.000đ, VAT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản bút toán giá vốn như sau: Nợ TK 632 : 8.806.346

Có TK 156 : 8.806.346

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 29/10 (Biểu số 2.8), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9). Từ số liệu trên vào Sổ Cái TK 632 (Biểu số 2.10)

*Đơn giá xuất kho mặt hàng tivi LED Samsung 32J5500 32 inch được tính như sau:*

Tồn đầu tháng 10/2015 là 3 chiếc , đơn giá: 8.890.000đ/ chiếc.

Ngày 5/10, Công ty mua của Công ty TNHH Hoàng Phát 5 chiếc tivi LED Samsung 32J5500 32 inch, đơn giá 8.545.000đ/ chiếc, VAT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản.

Ngày 7/10, xuất bán cho anh Vinh 1 chiếc, thu bằng tiền mặt.

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{8.890.000 \times 3 + 8.545.000 \times 5}{8} = 8.674.375\text{đ/cái}$$

$$\text{Trị giá xuất ngày 7/10} = 8.674.375 \times 1 = 8.674.375 \text{ đ.}$$

Ngày 10/10, xuất bán cho Công ty Cổ phần Hùng Cường 3 chiếc, thu bằng chuyển khoản.

$$\text{Trị giá xuất ngày 10/10} = 8.674.375 \times 3 = 26.023.125 \text{ đ.}$$

Ngày 13/10, nhập kho 9 chiếc tivi LED Samsung 32 inch mua của Công ty TNHH Thành Huệ, đơn giá: 8.865.000đ/chiếc, VAT 10%, chưa thanh toán.

**Ngày 16/10, Công ty xuất bán cho ông Chính - Đại Bản 1 chiếc tivi LED Samsung 32J5500 32 inch, thu bằng tiền mặt.**

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{8.674.375 \times 4 + 8.865.000 \times 9}{13} = 8.806.346\text{đ}$$

$$\text{Trị giá xuất ngày 16/10} = 8.806.346 \times 1 = 8.806.346\text{đ}$$

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**  
**Km 18 – Kim Sơn – Lê Thiện – An Dương – HP**

**Mẫu số 02-VT**  
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 3 tháng 10 năm 2015

Nợ TK 632

Số: PX05/10

Có TK 156

Họ và tên người nhận: Nguyễn Hoàng Phong

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh

Theo HĐGTGT số 0000612 ngày 3 tháng 10 năm 2015 của Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.

Xuất tại kho: Số 1

Địa điểm: Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiện – An Dương - HP

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tủ lạnh Sanyo 301L SR – Q345RB(SS)		chiếc	2	2	9.610.000	19.220.000
	<b>Cộng</b>						<b>19.220.000</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng ./

- Chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT 0000612

Ngày 3 tháng 10 năm 2015

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, đóng dấu)

**Biểu số 2.7 - Phiếu xuất kho số 05/10**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Mẫu số 02-VT**

**Km 18 – Kim Sơn – Lê Thiện – An Dương – HP**

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 16 tháng 10 năm 2015

Nợ TK 632

Số: PX29/10

Có TK 156

Họ và tên người nhận: Nguyễn Hoàng Phong

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh

Theo HĐGTGT số 0000622 ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.

Xuất tại kho: Số 1

Địa điểm: Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiện – An Dương - HP

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tivi LED Samsung 32J5500 32 inch		chiếc	1	1	8.806.346	8.806.346
	<b>Cộng</b>						<b>8.806.346</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Tám triệu tám trăm linh sáu nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng /*

Chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT 0000622

Ngày 16 tháng 10 năm 2015

**Người lập**

**Người nhận hàng**

**Thủ kho**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

**Biểu số 2.8 - Phiếu xuất kho số 29/10**



**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**

**Mẫu số S03a – DNN**

**Km 18 – Kim Sơn- Lê Thiện – An Dương- HP**

(Ban hành theo QĐ48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
<b>3/10</b>	<b>PX05/10</b>	<b>3/10</b>	<b>Xuất kho bán tủ lạnh Sanyo 301L Q345RB(SS)</b>	<b>632</b> <b>156</b>	<b>19.220.000</b>	<b>19.220.000</b>
3/10	GBC03/10	3/10	Bán tủ lạnh Sanyo 301L Q345RB(SS) cho công ty CP Vương Minh Tuấn thu bằng CK	112 511 3331	25.300.000	23.000.000 2.300.000
4/10	HĐGTGT 0000538	4/10	Mua hàng của công ty TNHH Thương mại Hoàng Phát chưa trả tiền	156 1331 331	279.000.000 27.900.000	306.900.000
			.....			
<b>16/10</b>	<b>PX29/10</b>	<b>16/10</b>	<b>Xuất kho bán tivi LED Samsung 32J5500 32 inch</b>	<b>632</b> <b>156</b>	<b>8.806.346</b>	<b>8.806.346</b>
16/10	PT31/10	16/10	Bán tivi LED 32J5500 32 inch cho ông Chính thu bằng tiền mặt	111 511 3331	10.978.000	9.980.000 998.000
			.....			
			<b>Cộng SPS</b>		<b>21.710.811.686</b>	<b>21.710.811.686</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, đóng dấu)

**Biểu số 2.9 - Sổ nhật ký chung ( trích )**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**

**Mẫu số S03b – DNN**

**Km 18 - Kim Sơn - Lê Thiện - An Dương - HP**

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			.....			
1/10	PX01/10	1/10	Xuất kho bán tủ lạnh Sanyo 301L H326RB (SS) cho chị Phương	156	9.850.000	
			.....			
3/10	PX05/10	3/10	<b>Xuất kho bán tủ lạnh Sanyo 301L Q345RB (SS) cho công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn</b>	<b>156</b>	<b>19.220.000</b>	
			.....			
12/10	PX 19/10	12/10	Bán máy điều hòa Daikin 1 chiều FTNE35MV1V9 cho công ty TNHH Hoa Dương thu bằng CK	156	35.070.000	
			.....			
16/10	PX29/10	16/10	<b>Xuất bán tivi LED Samsung 32J5500 32 inch cho ông Chính</b>	<b>156</b>	<b>8.806.346</b>	
			.....			
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		3.315.668.973
			<b>Cộng SPS</b>		<b>3.315.668.973</b>	<b>3.315.668.973</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, đóng dấu)

**Biểu 2.10 - Sổ Cái TK 632 (trích)**

### **2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty**

#### **2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh**

Tại Công ty TNHH Thương mại Tân Đức, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- + Chi phí về lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí về đồ dùng văn phòng, các khoản chi phí khác,...

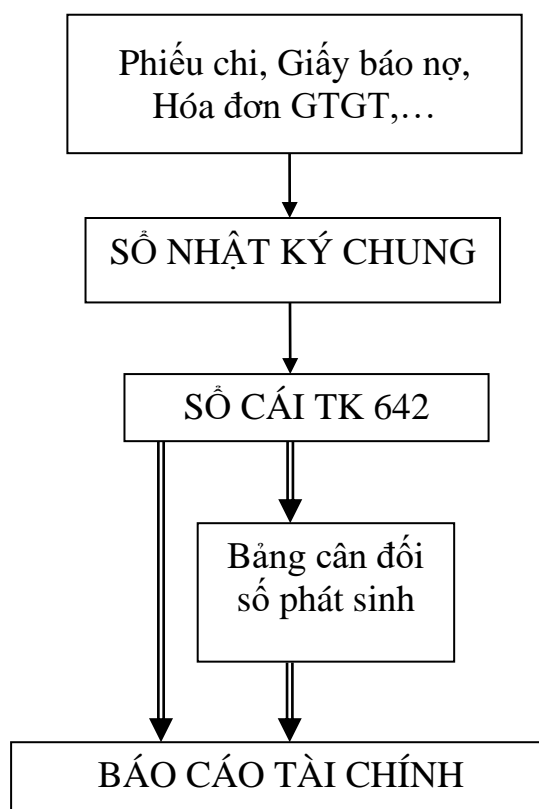
#### **2.2.3.2. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng
- Bảng phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **2.2.3.3. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131,...

#### **2.2.3.4. Quy trình hạch toán**



**Sơ đồ 2.6 - Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH**

**Thương mại Tấn Đức**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$

**Ví dụ minh họa:**

**Ví dụ 5:** Ngày 8/10/2015 công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại của bộ phận bán hàng với số tiền 941.972 đồng (đã có VAT 10%).

Kế toán hạch toán: Nợ TK 6421 : 856.338

Nợ TK 133 : 85.634

Có TK 111: 941.972

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (**Biểu số 2.11**) và các chứng từ có liên quan kê toán lập Phiếu chi ( **Biểu số 2.12**).

Kế toán vào sổ Nhật ký chung ( **Biểu số 2.13**) và Sổ cái (**Biểu số 2.14**)



**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE

(VAT)

Mẫu số:01GTKT-2LN-03

Ký hiệu: AC/2015T

Số : 294559

**Liên 2: Giao cho người mua ( Customer copy)**

Mã số thuế: 0200287977 – 022

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng

Địa chỉ: Số 88A đường Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức

MST: 0201066875

Địa chỉ (Address): Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiên – An Dương – HP

Số điện thoại (Tel): 0313.588.058

Mã số (code): HPG-10-001291

Hình thức thanh toán: TM/CK

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT(UNIT)	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT)
	<b>KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 9/2015</b>				
	1.Cước DV viễn thông				856.338
	2.Cước dịch vụ Viễn thông không thuế				0
	3.Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	4.Khuyến mãi				0
	5.Trừ đặt cọc + trích + thưởng + nợ				0
(1+2+3+4) <b>Cộng tiền dịch vụ (Total) (A):</b>					<b>856.338</b>
<b>Thuế suất GTGT (VAT rate):</b> 10% ×(1) = VAT amount) (B):					<b>85.634</b>
(A+B+5) <b>Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (A+B)</b>					<b>941.972</b>

Số tiền viết bằng chữ (In words): *Chín trăm bốn mươi một ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng./*

Ngày 08 tháng 10 năm 2015

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

(Signature of payer)

(Signature of dealing staff)

**Biểu 2.11 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**

**Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiện – An Dương - HP**

**Mẫu số 02-TT**

Ban hành theo QĐ48 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyền số:...

Số : 5/10

**PHIẾU CHI**

*Ngày 8 tháng 10 năm 2015*

Nợ TK 6421: 856.338

Nợ TK 133 : 85.634

Có TK 111 : 941.972

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Tuyết Mai

Địa chỉ : Số 88A - Đường Hùng Vương - Hồng Bàng – HP

Lý do chi: **Chi tiền thanh toán cước điện thoại tháng 9/2015.**

Số tiền: 941.972 đ.

Viết bằng chữ: **Chín trăm bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn đồng./**

Kèm theo 01 Chứng từ gốc;

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín trăm bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn đồng./

*Ngày 8 tháng 10 năm 2015*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Thủ quỹ**

**Người lập phiếu**

**Người nhận tiền**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*( Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*( Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.12 - Phiếu chi số 5/10**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**

**Mẫu số S03a – DNN**

**Km 18 – Kim Sơn- Lê Thiện – An Dương- HP**

(Ban hành theo QĐ48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
3/10	PX05/10	3/10	Xuất kho bán tủ lạnh cho công ty CP Vương Minh Tuấn	632 156	19.220.000	19.220.000
3/10	GBC 03/10	3/10	Bán tủ lạnh Sanyo 301L Q345RB(SS) cho công ty CP Vương Minh Tuấn thu bằng CK	112 511 3331	25.300.000	23.000.000 2.300.000
			.....			
<b>8/10</b>	<b>PC 5/10</b>	<b>8/10</b>	<b>Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông</b>	<b>6421 133 111</b>	<b>856.338 85.634</b>	<b>941.972</b>
			.....			
26/10	PC 20/10	26/10	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	80.000.000	80.000.000
27/10	PC21/10	27/10	Chi tiền mua VPP	6422 133 111	1.638.000 163.800	1.801.800
			.....			
			<b>Cộng SPS</b>		<b>21.710.811.686</b>	<b>21.710.811.686</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.13 - Sổ nhật ký chung (trích)**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Mẫu số S03b – DNN**

**Km 18 - Kim Sơn - Lê Thiện - An Dương - HP**

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			.....			
<b>8/10</b>	<b>PC5/10</b>	<b>8/10</b>	<b>Thanh toán dịch vụ viễn thông</b>	<b>111</b>	<b>856.338</b>	
			.....			
27/10	PC21/10	27/10	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	1.638.000	
28/10	PC22/10	28/10	Chi tiền tiếp thị, quảng cáo	111	2.000.000	
			.....			
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		878.339.410
			<b>Cộng SPS</b>		<b>878.339.410</b>	<b>878.339.410</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.14 - Sổ Cái TK 642 (trích)**



**2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Thương mại Tân Đức bao gồm các khoản lãi như: lãi tiền gửi ngân hàng.
- Trong năm 2015, công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

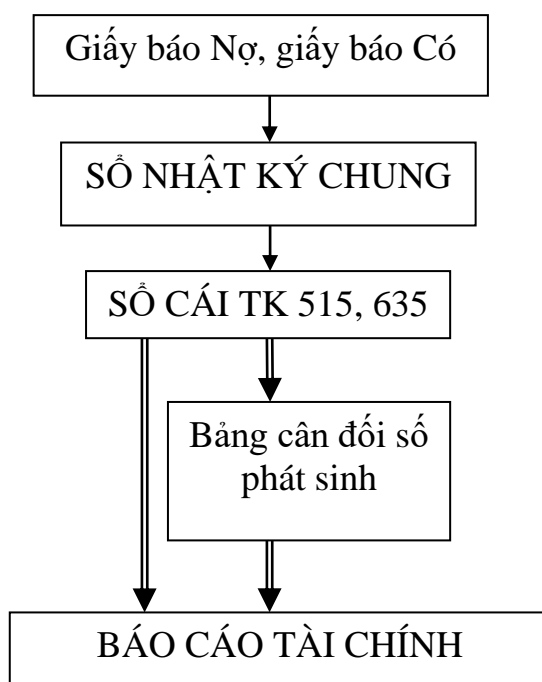
**2.2.4.2. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo Có
- Phiếu trả lãi tài khoản

**2.2.4.3. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
- Các tài khoản khác có liên quan như: TK112,...

**2.2.4.4. Quy trình hạch toán**



**Sơ đồ 2.7 - Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty TNHH**

**Thương mại Tân Đức**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ⇒

**Ví dụ minh họa:**

**Ví dụ 6:** Ngày 25/10/ 2015 ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu trả lãi tiền gửi, số tiền là 285.148 đồng.

Căn cứ vào giấy báo Có của Ngân hàng (**biểu số 2.15**), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.16**), sau đó vào Sổ Cái tài khoản 515 (**biểu số 2.17**).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112 : 285.148

Có TK 515 : 285.148

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**

**Chi nhánh: Quán Toan - Hồng Bàng - HP**

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 25 tháng 10 năm 2015

Mã GDV:

Mã KH: 81285

Số GD:

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức

MST: 0201066875

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số TK ghi CÓ: **1001137519**

Số tiền bằng số: **285.148 đ**

Số tiền bằng chữ: Hai trăm tám mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi tám đồng /.

**Nội dung: Lãi nhập vốn**

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Biểu số 2.15 - GBC 25/10 - Ngân hàng TMCP Á Châu**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**

**Mẫu số S03a – DNN**

**Km 18 – Kim Sơn- Lê Thiện – An Dương- HP**

(Ban hành theo QĐ48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
3/10	PX05/10	3/10	Xuất kho bán tủ lạnh cho công ty CP Vương Minh Tuấn	632 156	19.220.000	19.220.000
3/10	GBC 03/10	3/10	Bán tủ lạnh Sanyo 301L Q345RB(SS) cho công ty CP Vương Minh Tuấn thu bằng CK	112 511 3331	25.300.000	23.000.000 2.300.000
			.....			
<b>25/10</b>	<b>GBC 25/10</b>	<b>25/10</b>	<b>Lãi tiền gửi tháng 10</b>	<b>112 515</b>	<b>285.148</b>	<b>285.148</b>
26/10	PC 20/10	26/10	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	80.000.000	80.000.000
27/10	PC21/10	27/10	Chi tiền mua VPP	6422 133 111	1.638.000 163.800	1.801.800
			.....			
			<b>Cộng SPS</b>		<b>21.710.811.686</b>	<b>21.710.811.686</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.16 - Sổ nhật ký chung ( trích )**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**  
**Km 18 - Kim Sơn - Lê Thiện - An Dương - HP**

**Mẫu số S03b – DNN**  
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			.....			
<b>25/10</b>	<b>GBC25/10</b>	<b>25/10</b>	<b>Lãi tiền gửi tháng 10</b>	<b>112</b>		<b>285.148</b>
25/11	GBC25/11	25/11	Lãi tiền gửi tháng 11	112		187.539
25/12	GBC25/12	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		220.367
31/12	PKT 27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	3.529.786	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>3.529.786</b>	<b>3.529.786</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.17 - Sổ Cái TK 515 (trích)**

**2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

Trong năm 2015, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác.

**2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

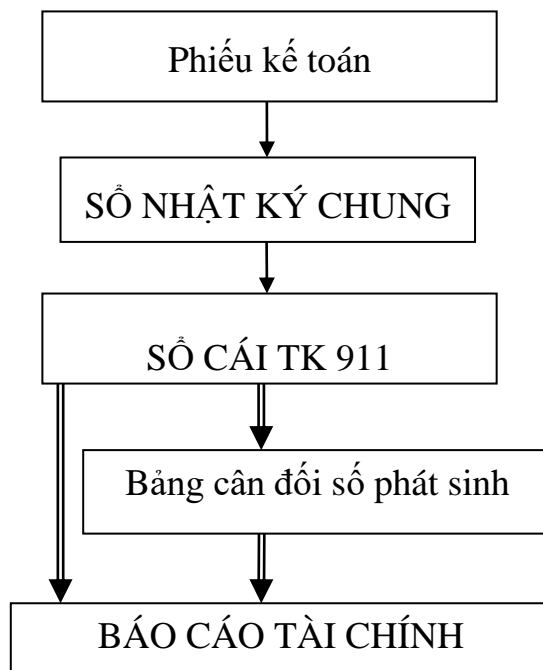
**2.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

**2.2.6.2. Tài khoản sử dụng**

- TK 632 “ Giá vốn hàng bán ”
- TK 635 “ Chi phí hoạt động tài chính ”
- TK 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh ”
- TK 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ”
- TK 911 “ Xác định kết quả hoạt động kinh doanh ”
- TK 421 “ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ”
- TK 711 “ Thu nhập khác ”
- TK 811 “ Chi phí khác ”

**2.2.6.4. Quy trình hạch toán**

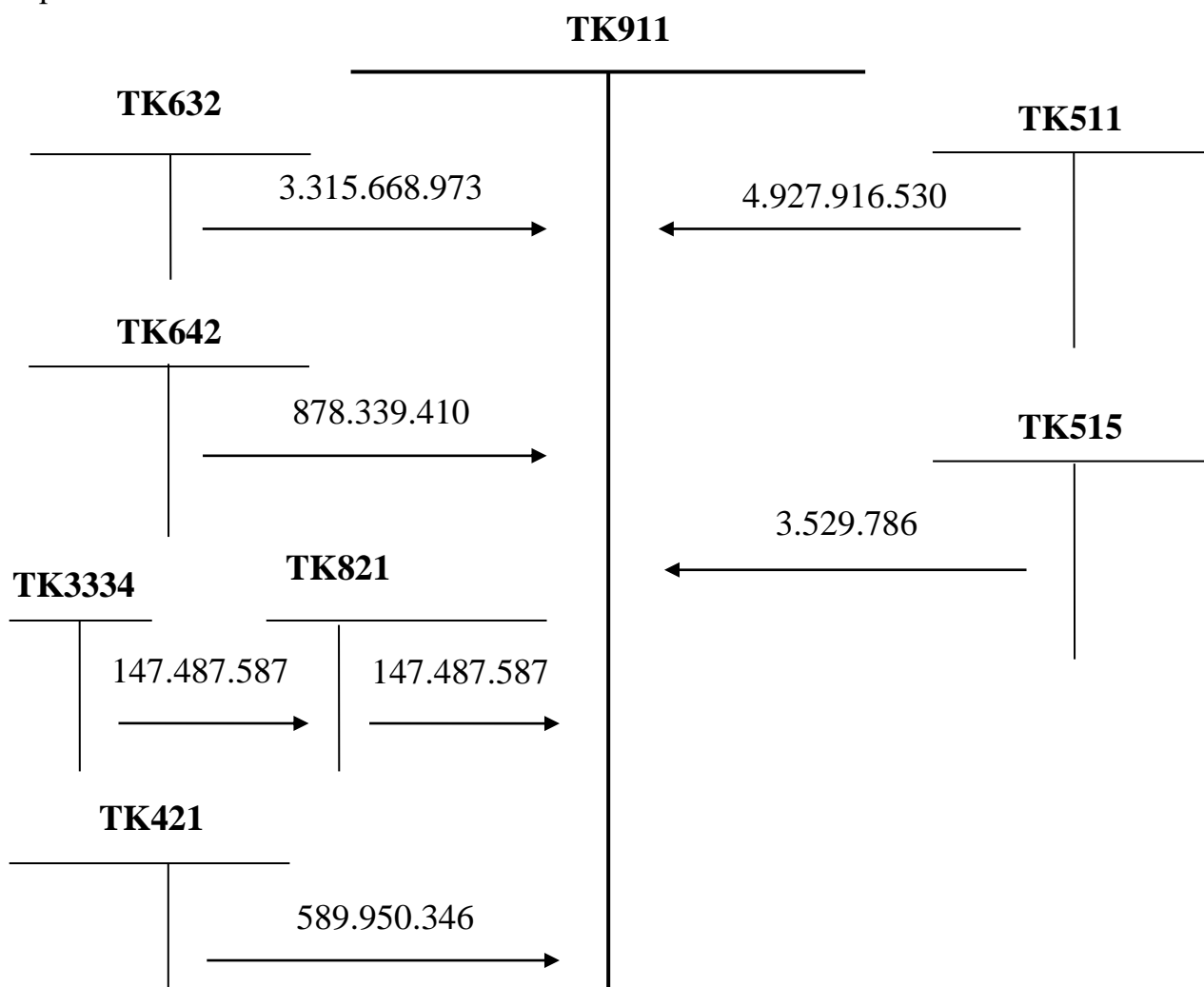


**Sơ đồ 2.8 – Quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tân Đức**

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$

Kết quả xác định kết quả kinh doanh năm 2015 của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh năm 2015 của công ty**

Cuối năm căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, kế toán lập các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 911.

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận trước thuế} &= 4.927.916.530 + 3.529.786 - 3.315.668.973 \\ &\quad - 878.339.410 = 737.437.933 \end{aligned}$$

Khi đó:

$$\text{Thuế TNDN} = 737.437.933 \times 20\% = 147.487.587 \text{ đồng}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận sau thuế} &= 737.437.933 - 147.487.587 = 589.950.346 \text{ đồng} \end{aligned}$$

**Kết quả kinh doanh năm 2015 của doanh nghiệp là Lãi.**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Km 18 – Kim Sơn – Lê Thiện – An Dương – HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 27/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển doanh thu năm 2015

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.927.916.530	
515	Doanh thu hoạt động tài chính	3.529.786	
911	Xác định kết quả kinh doanh		4.931.446.316
Tổng cộng		4.931.446.316	4.931.446.316

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.18 - Phiếu kế toán số 27/12**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Km 18 – Kim Sơn – Lê Thiện – An Dương – HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 28/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển chi phí năm 2015

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	4.194.008.383	
632	Giá vốn hàng bán		3.315.668.973
642	Chi phí quản lý kinh doanh		878.339.410
Tổng cộng		4.194.008.383	4.194.008.383

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.19 - Phiếu kế toán số 28/12**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Km 18 – Kim Sơn – Lê Thiện – An Dương – HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 29/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Xác định thuế TNDN phải nộp năm 2015

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
821	Chi phí thuế TNDN	147.487.587	
3334	Thuế TNDN		147.487.587
Tổng cộng		147.487.587	147.487.587

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.20- Phiếu kế toán số 29/12**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Km 18 – Kim Sơn – Lê Thiện – An Dương – HP**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 30/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2015

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	147.487.587	
821	Chi phí thuế TNDN		147.487.587
Tổng cộng		147.487.587	147.487.587

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.21 - Phiếu kế toán số 30/12**



**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC****Km 18 – Kim Sơn – Lê Thiện – An Dương – HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 31/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải: Kết chuyển lãi năm 2015

Tài khoản	Tên tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	589.950.346	
421	LN chưa phân phối		589.950.346
Tổng cộng		589.950.346	589.950.346

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.22 - Phiếu kế toán số 31/12**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Km 18 – Kim Sơn- Lê Thiện – An Dương- HP**

**Mẫu số S03a – DNN**

(Ban hành theo QĐ48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	4.927.916.530	4.927.916.530
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	3.529.786	3.529.786
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	3.315.668.973	3.315.668.973
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	878.339.410	878.339.410
31/12	PKT29/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821 3334	147.487.587	147.487.587
31/12	PKT30/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	147.487.587	147.487.587
31/12	PKT31/12	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	589.950.346	589.950.346
			.....			
			<b>Cộng SPS</b>		<b>21.710.811.686</b>	<b>21.710.811.686</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.23 - Sổ nhật ký chung (trích)**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**  
**Km 18 - Kim Sơn - Lê Thiện - An Dương - HP**

**Mẫu số S03b – DNN**  
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh  
 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	PKT27/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		4.927.916.530
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		3.529.786
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	3.315.668.973	
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	878.339.410	
31/12	PKT30/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	147.487.587	
31/12	PKT31/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	589.950.346	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>4.931.446.316</b>	<b>4.931.446.316</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.24 - Sổ Cái TK 911**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**  
**Km 18 - Kim Sơn - Lê Thiện - An Dương - HP**

**Mẫu số S03b – DNN**  
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	PKT29/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	147.487.587	
31/12	PKT30/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		147.487.587
			<b>Cộng SPS</b>		<b>147.487.587</b>	<b>147.487.587</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, đóng dấu)

**Biểu 2.25 - Sổ Cái TK 821**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**

**Mẫu số B02-DNN**

**Km 18 – Kim Sơn – Lê Thiện – An Dương - HP**

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Đơn vị tính :đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.927.916.530	3.938.465.129
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>4.927.916.530</b>	<b>3.938.465.129</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	3.315.668.973	2.583.778.462
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>1.612.247.557</b>	<b>1.354.686.667</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.529.786	2.489.791
7	Chi phí tài chính	22		
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24	878.339.410	791.227.905
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)</b>	<b>30</b>	<b>737.437.933</b>	<b>565.948.553</b>
10	Thu nhập khác	31		
11	Chi phí khác	32		
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>737.437.933</b>	<b>565.948.553</b>
14	Chi phí thuế TNDN	51	147.487.587	113.189.711
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>	<b>589.950.346</b>	<b>452.758.842</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

**Người ghi sổ**

**Người ghi sổ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.26 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ  
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.**

Ngay từ khi mới thành lập Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức cũng đã có rất nhiều cố gắng và sự nỗ lực hết mình để có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Trong nhiều năm qua công ty đã không ngừng vươn lên, quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã đạt được kết quả đáng khích lệ với hoạt động chủ yếu về kinh doanh các mặt hàng như: ti vi, tủ lạnh, máy giặt... Công ty đã không ngừng mở rộng về quy mô cả về bề rộng lẫn bề sâu, để đạt được trình độ quản lý như hiện nay và các kết quả đã có được trong thời gian qua thì đó lại là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên của toàn công ty.

Việc vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế thị trường đồng thời thực hiện chủ trương cải tiến kinh tế và các chính sách kinh tế của Đảng đã đạt được những thành tựu đáng kể, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức, được tiếp nhận với thực tế công tác nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng sự giúp đỡ của các anh, chị phòng kế toán tài chính, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.

### 3.1.1. Ưu điểm

Nhìn chung công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán tài chính hiện hành. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

#### Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

#### Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này có ưu điểm là đơn giản, dễ làm, dễ sử dụng. Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh, ghi chép và theo dõi thường xuyên sự biến động của hàng hóa.

#### Về chứng từ kế toán và việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ

kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán phân hành nào thì lưu trữ chứng từ của phân hành đó, không chồng chéo lên nhau, nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra một cách hợp lý giữa các khâu. Kế toán công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng và kịp thời.

#### **🚦 Về hệ thống tài khoản sử dụng:**

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính ( Hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) về việc áp dụng chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ . Đồng thời trong quá trình hạch toán, công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể, thuận tiện và phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của từng đơn vị.

#### **🚦 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

##### **• Về tổ chức công tác kế toán doanh thu**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

##### **• Về công tác kế toán chi phí:**

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

##### **• Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**



Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phân nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

### ***3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.***

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn nhiều tồn tại và bất cập cần khắc phục. Cụ thể:

- ✚ Thứ nhất:** Tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức kinh doanh rất nhiều mặt hàng điện tử, điện lạnh khác nhau về chủng loại, mẫu mã, xuất xứ... Trong khi đó, kế toán tại công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn riêng cho từng loại hàng hóa từ đó gây khó khăn cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn riêng của từng loại hàng hóa và xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Mặt khác, công ty cũng không mở sổ chi tiết cho TK 642 nên không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh cho từng tài khoản này.
- ✚ Thứ hai:** Công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên Excel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.
- ✚ Thứ ba:** Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó

để thu hút khách hàng, công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được.

✚ **Thứ tư:** Hàng hoá của công ty là loại hàng hóa mà giá trị của nó thay đổi theo từng thời kỳ, đặc biệt là rất hay bị giảm giá trị. Cuối năm 2015, một số mặt hàng như tivi, tủ lạnh,... của công ty bị giảm giá. Vì vậy công ty nên có biện pháp để giảm sự rủi ro thông qua việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.**

#### ***3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.***

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung; kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh được hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

#### ***3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.***

Đối với công ty nếu quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi

được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động một cách hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong công việc.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp. vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

### ***3.2.3. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.***

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau đây:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.
- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.
- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

### 3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.2.4.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty

Hiện nay, khi hạch toán doanh thu, giá vốn công ty mới chỉ mở sổ kế toán tổng hợp (Sổ nhật ký chung, Sổ cái), chưa mở sổ chi tiết để theo dõi doanh thu, giá vốn của từng mặt hàng.

Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng (**biểu 3.1**), sổ chi tiết giá vốn (**biểu 3.2**) giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng, từ đó xác định được lãi gộp đối với từng mặt hàng giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

Bên cạnh đó, công ty chưa mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí quản lý kinh doanh. Công ty nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**biểu 3.2**) giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí góp phần tăng lợi nhuận.

Căn cứ vào Sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632 - chi tiết cho từng mặt hàng, ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng, ta lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng. Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho mặt hàng A} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần của mặt hàng A}}{\text{Doanh thu thuần của mặt hàng A}}$$

Sau khi phân bổ chi phí quản lý kinh doanh ta lập Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng (**Biểu 3.3**). Để theo dõi kết quả kinh doanh cuối cùng của từng mặt hàng kế toán có thể mở Sổ chi tiết cho TK 911 (**Biểu 3.4**).

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S17-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư)

Mã hàng hóa:

Năm:

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.1 - Sổ chi tiết bán hàng**

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số S18 – DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các tài khoản 154, 631, 642,142,242,632)

Tài khoản:.....

Tên phân xưởng:.....

Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Ghi nợ TK.....					
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra				
						...	...	...	...	...
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng phát sinh trong kỳ							
			Ghi Có TK ...							
			Số dư cuối kỳ							

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.2 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG MẶT HÀNG**

Năm :

STT	Tên hàng hóa	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng	Kết quả kinh doanh
	....					
	Cộng					

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.3 - Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng**

Đơn vị: .....

Mẫu số: S20 - DNN

Địa chỉ: .....

(Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN**  
(Dùng cho các TK: 138, 141,.....911)

Tên tài khoản:.....Số hiệu:.....

Đối tượng:.....

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ		GHI CHÚ
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có	
1	2	3	4		5	6	7	8	9

- Sổ này có .....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :.....

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Biểu 3.4 - Mẫu Sổ chi tiết tài khoản 911**



**Ví dụ:**

Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 phần 2.2.4 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng cụ thể.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số: 0000612, kế toán vào sổ chi tiết bán hàng cho mặt hàng tủ lạnh Sanyo 301L SR-Q345RB(SS) (**Biểu 3.5**). Căn cứ vào phiếu xuất kho 05/10, kế toán vào sổ chi tiết giá vốn cho mặt hàng tủ lạnh Sanyo 301LSR- Q345RB(SS) (**Biểu 3.6**).

Với các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh. Kế toán tiến hành vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh ( **Biểu 3.7**) để theo dõi cụ thể từng yếu tố chi phí phát sinh.

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Km 18 – thôn Kim Sơn – Xã Lê Thiện – An Dương - HP**

**Mẫu số S17-DNN**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Tủ lạnh Sanyo 301L SR-Q345RB(SS) Mã hàng hóa:  
 Năm: 2015

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			Phát sinh trong năm						
			....						
3/10	GBC03/10	3/10	Bán hàng cho công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn	112	2	11.500.000	23.000.000		
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 3.5- Sổ chi tiết bán hàng (tủ lạnh Sanyo 301L SR – Q345RB(SS))**

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**

**Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiện – An Dương - HP**

**Mẫu số S18 – DNN**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 632

Tên sản phẩm, dịch vụ: Tủ lạnh Sanyo 301L SR – Q345RB(SS)

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK 632		
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số phát sinh trong kỳ				
<b>3/10</b>	<b>PX05/10</b>	<b>3/10</b>	<b>Bán hàng cho công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn</b>	<b>156</b>	<b>19.220.000</b>	<b>2</b>	<b>9.610.000</b>
			...				
			Cộng phát sinh trong kỳ				
			Ghi Có TK 632	911			
			Số dư cuối kỳ				

*Ngày ... tháng ... năm ...*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 3.6 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiện – An Dương - HP**

**Mẫu số S18 – DNN**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/r	Ghi nợ TK 6421				
	SH	Ngày			Số tiền	Chia ra			
						Lương	Vật liệu	...	Dịch vụ mua ngoài
			Số phát sinh trong kỳ						
8/10	PC5/10	8/10	Thanh toán dịch vụ viễn thông bộ phận bán hàng	111	856.338				856.338
			...						
			Cộng phát sinh trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.7 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

### 3.2.4.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

#### **Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2015**



#### **MISA SME.NET 2015**

MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế.

MISA SME.NET 2015 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

**Giá:** 10,950,000.00 đồng

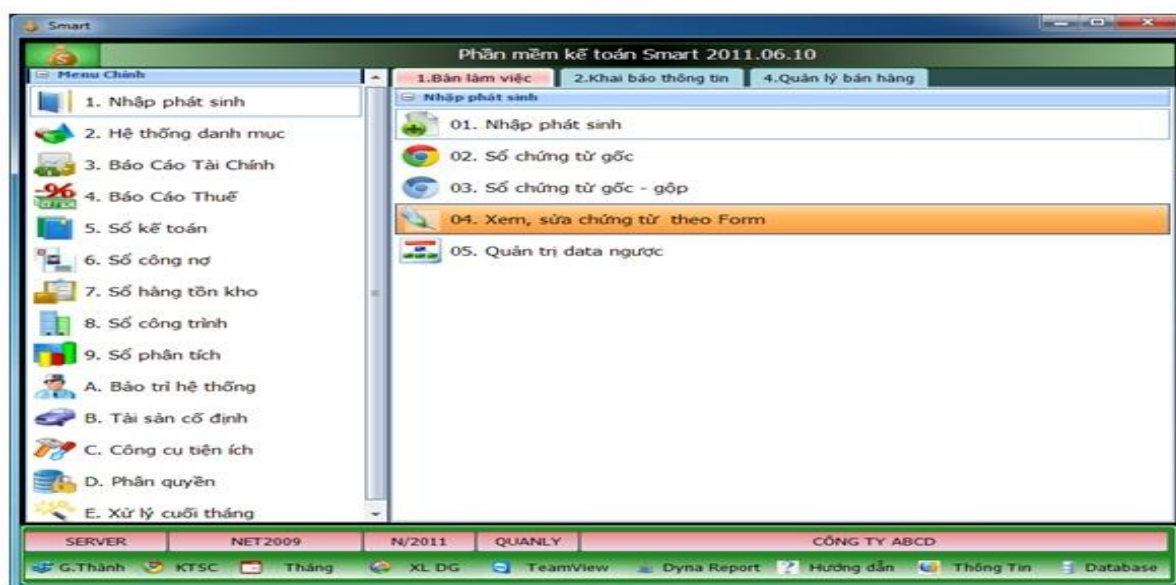
#### **Các phân hệ của MISA**



## Phần mềm kế toán thương mại SMART



Giá: 3,000,000 đồng



Chức năng phần mềm kế toán thương mại SMART:

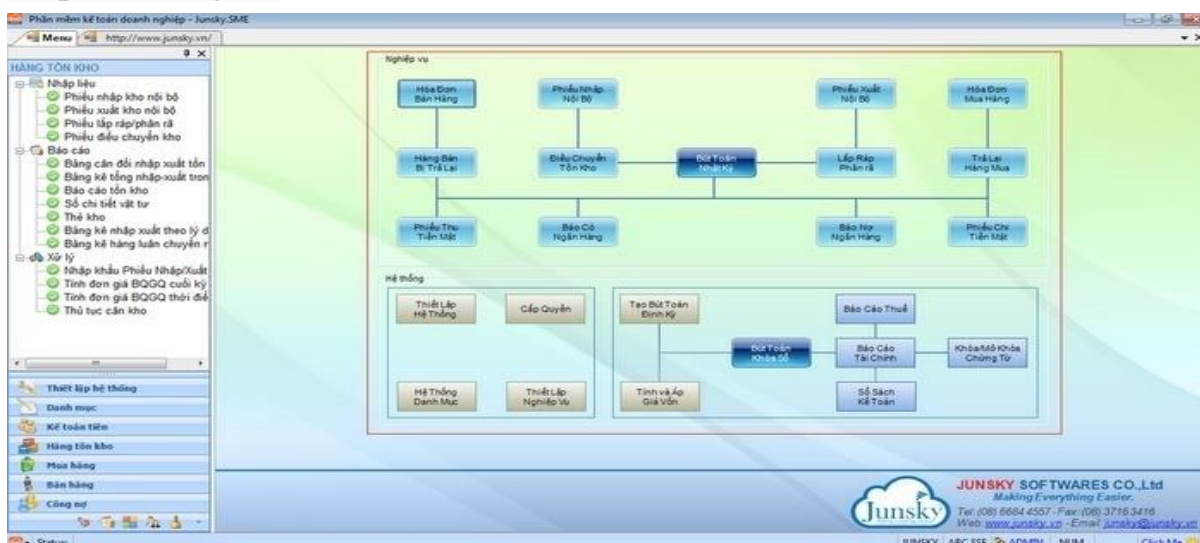
- + Theo dõi doanh thu theo vùng miền, theo nhóm khách hàng
- + Khai báo đơn giá bán theo vùng và theo nhóm đối tượng
- + Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo từng tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, theo hàng hóa, in bảng đối chiếu và xác nhận công nợ, báo cáo lịch thu tiền...
- + Theo dõi hàng tồn kho theo mặt hàng, theo lô và hạn sử dụng, theo nhiều kho, xử lý đơn giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau....



### Junsky.SME – Phần mềm kế toán doanh nghiệp

Junsky.SME là phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, luôn được cập nhật theo thông tư và quyết định mới nhất của bộ tài chính. Dữ liệu có thể được Import từ Excel, Access, XML,... vào chương trình hoặc

ngược lại, Export dữ liệu từ phần mềm ra Excel, Acces, XML, ... thông qua các template đơn giản.



Phần mềm kế toán Junsky.SME – Phiên bản kế toán dành cho các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ vừa và nhỏ.

Qua quá trình tìm hiểu đặc điểm, cơ cấu, loại hình kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức, em xin tư vấn công ty nên sử dụng phần mềm kế toán thương mại Smart vì phần mềm này phù hợp nhất cả về tính năng và giá cả, đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

*3.2.4.3. Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.*

Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn.

**➤ Phương pháp lập dự phòng:**

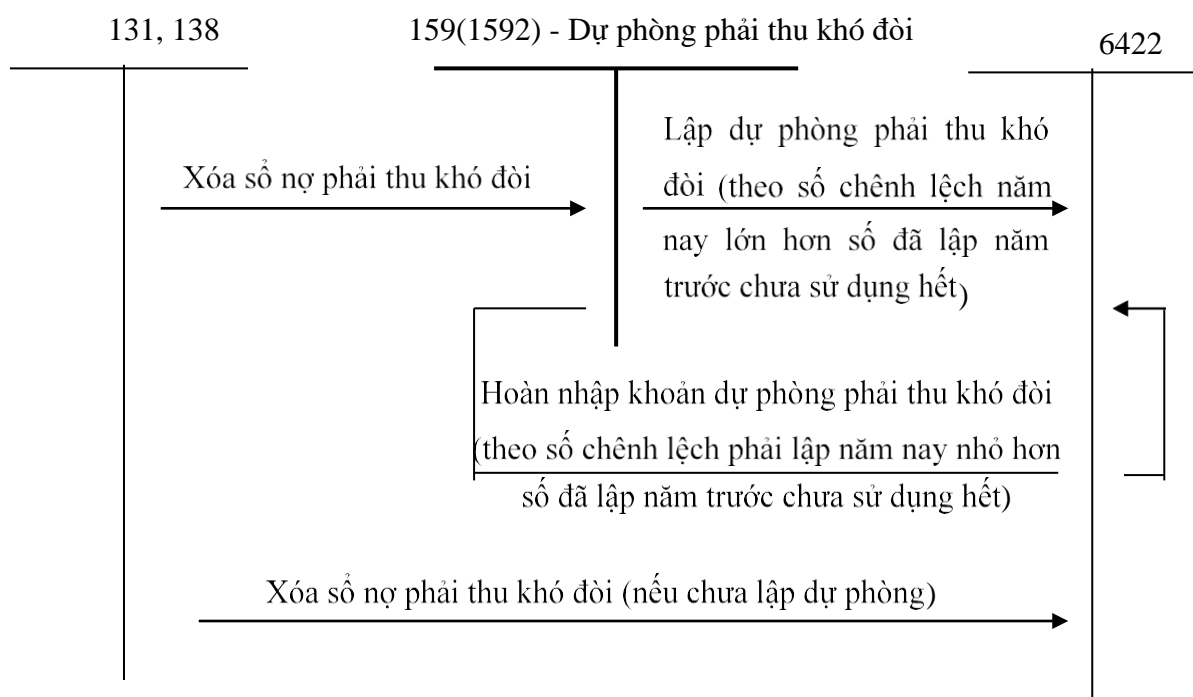
Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên . Trong đó:

*Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 như sau:*

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
6 tháng $\leq T \leq$ 1 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< T <$ 2 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< T <$ 3 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$T >$ 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố,...thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí QLKD.

**Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau:**



✓ Ví dụ minh họa:

Từ bảng kê công nợ (**Biểu số 3.8**) và dựa vào mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (**Biểu số 3.9**) vào ngày 31/12 như sau:



**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC**

**Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiện – An Dương – HP**

**BẢNG KÊ CÔNG NỢ**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

<b>Tên khách hàng</b>	<b>Số tiền nợ</b>	<b>Chưa đến hạn</b>	<b>Đến hạn</b>	<b>Quá hạn</b>	<b>Không đòi được</b>	<b>Ghi chú</b>
Công ty Xây lắp điện và viễn thông	72.700.000		72.700.000			
Công ty TNHH Hoa Dương	86.243.884			86.243.884		18 tháng 5 ngày
Công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn	59.175.690	59.175.690				
Công ty TNHH Trúc Mai	117.445.980			117.445.980		13 tháng 20 ngày
Công ty vận tải Đoàn Xuân	95.025.881			95.025.881		7 tháng
.....						
<b>Tổng cộng</b>	<b>936.419.570</b>	<b>265.103.526</b>	<b>372.600.299</b>	<b>298.715.745</b>		

***Biểu 3.8 - Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2015***

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤN ĐỨC**

**Km 18 – thôn Kim Sơn – xã Lê Thiện – An Dương – HP**

**BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

<b>Tên khách hàng</b>	<b>Số tiền Nợ</b>	<b>Thời gian quá hạn thanh toán</b>	<b>Tỷ lệ trích lập</b>	<b>Số cần lập dự phòng</b>
Công ty TNHH Hoa Dương	86.243.884	18 tháng 5 ngày	50%	43.121.942
Công ty TNHH Trúc Mai	117.445.980	13 tháng 20 ngày	50%	58.722.990
Công ty Vận tải Đoàn Xuân	95.025.881	7 tháng	30%	28.507.764
<b>Tổng cộng</b>	<b>298.715.745</b>			<b>130.352.696</b>

**Biểu 3.9 - Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 130.352.696

Có TK 1592: 130.352.696

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách có liên quan.

*3.2.4.4. Hoàn thiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức.*

Hàng hoá của công ty là loại hàng hóa mà giá trị của nó thay đổi theo từng thời kỳ, đặc biệt là rất hay bị giảm giá trị. Cuối năm 2015, một số mặt hàng như tivi, tủ lạnh,... của công ty bị giảm giá. Vì vậy công ty nên có biện pháp để giảm sự rủi ro thông qua việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, công ty tiến hành trích lập dự phòng. Việc trích lập này tiến hành cho từng loại hàng hoá dựa trên bằng chứng xác thực về việc giảm giá cho loại hàng đó vào thời điểm lập, dựa vào chênh lệch giữa giá bán thực tế và giá thị trường của mặt hàng đó. Kế toán tiến hành lập Bảng kê trích lập dự

phòng giảm giá hàng tồn kho, đây là căn cứ giúp kế toán thực hiện bút toán trích lập dự phòng.

**BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO**

Năm.....

STT	Tên hàng hoá	Mã số	Số lượng	Theo sổ sách kế toán		Theo giá thị trường		Số tiền dự phòng
				ĐG	TT	ĐG	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>Cộng</b>							

**Biểu 3.10 – Bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cột (2): Tên của các hàng hoá cần phải lập dự phòng

Cột (3): Các mã tương ứng của hàng

Cột (4): Số lượng hàng hoá tại thời điểm trích lập dự phòng (được lấy ở cột tồn kho cuối kỳ trên sổ chi tiết hàng hoá của công ty):

Cột (5): Giá đơn vị hàng hoá

Cột (6): Giá trị hàng hoá tồn kho cuối năm: (6) = (4) x (5)

Cột (7): Đơn giá công ty tự ước tính trên cơ sở các bằng chứng thực tế

Cột (8): Giá trị hàng hoá theo giá thị trường: (8) = (4) x (7)

Cột (9): (9) = (6) - (8). Là mức dự phòng cần lập

Sau khi đã tính ra dự phòng cần lập cho từng loại hàng hoá kế toán tiến hành bút toán sau:

Nợ TK 632

Có TK 1593

**Ví dụ minh họa:**

**BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO**

Năm 2015

STT	Tên hàng hoá	Mã số	Số lượng	Theo sổ sách kế toán		Theo giá thị trường		Số tiền dự phòng
				ĐG	TT	ĐG	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Tivi Samsung LA-22D400		30	4.250.000	127.500.000	4.200.000	126.000.000	1.500.000
2	Tủ lạnh Toshiba TG41VPDZ		20	12.980.000	259.600.000	12.145.000	242.900.000	16.700.000
3	Điều hòa Mitsubishi 1 chiều MS-HL25VC		25	7.010.000	175.250.000	6.765.000	169.125.000	6.125.000
4	Máy giặt lồng đứng AQUA AQW – S70KT		20	3.425.000	68.500.000	3.180.000	63.600.000	4.900.000
	<b>Cộng</b>							29.225.000

**Biểu 3.11 – Bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại công ty**

Kế toán ghi: Nợ TK 632 : 29.225.000

Có TK 1593 : 29.225.000

Sau đó, kế toán lập phiếu kế toán và tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 632, TK 159.

### 3.2.4.5. Một số kiến nghị khác

Bộ phận kế toán nên thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh theo từng mặt hàng theo tháng hoặc quý giúp ban lãnh đạo nắm rõ về tỷ suất lợi nhuận của từng mặt hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vì vậy việc nâng cao chất lượng sản phẩm và xúc tiến công tác quảng cáo, khuyến mãi là một vấn đề hết sức quan trọng. Công ty cần tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm, thị trường đầu ra. Một chính sách tốt sẽ làm cho khách hàng tin tưởng vào sản phẩm của công ty từ đó tăng sự lựa chọn của khách hàng và tạo uy tín với khách hàng. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa bằng các biện pháp như: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đúng thời gian giao hàng, thời hạn thanh toán, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh bằng các biện pháp hợp lý.

## KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung khóa luận của em với đề tài: “ *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức* ”.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể tách rời trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ, phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty, do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty, em xin mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán của công ty để em hoàn thiện khóa luận này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô, đặc biệt là GVHD - Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh cùng các anh chị phòng kế toán trong Công ty TNHH Thương mại Tấn Đức đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận.

*Hải Phòng, ngày ... tháng... năm 2016*

Sinh viên

Đinh Thị Hải Yến

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính - Nhà xuất bản Thống kê năm 2009.
2. Chế độ Kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2) - Nhà xuất bản Tài Chính
3. Tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán năm 2015 của công ty TNHH Thương mại Tấn Đức
4. Khóa luận tốt nghiệp sinh viên khóa 13, 14 ,15 trường Đại học Dân lập Hải Phòng
5. Các trang web chính thức của Chính phủ, nhà nước, kinh tế như: [ketoanthucte.com](http://ketoanthucte.com); [ketoanthue.vn](http://ketoanthue.vn)